

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ
XÂY DỰNG AMECC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02 /2021/CBTT-AMECC

Hải Phòng, ngày 20. tháng 04 năm 2021

V/v CBTT Báo cáo thường niên 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty : Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC
Trụ sở chính : Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, Tp. Hải Phòng
Điện thoại : 02253.922786 Fax: 02253.922783

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Thị Lương

Địa chỉ: Phù Ninh, Thủy Nguyên, Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại cố định: 02253.922786 Fax: 02253.922783

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung công bố thông tin:

Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC công bố thông tin Báo cáo thường niên 2020. Nội dung chi tiết tại Văn bản đính kèm.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/04/2021 tại đường dẫn: <http://amecc.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người công bố thông tin


Lê Thị Lương

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu Vp.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên 2020

AMECC

Cùng xây ngày mai

www.amecc.com.vn



2020

BÁO CÁO

THƯỜNG NIÊN

Địa chỉ: Km35, Quốc lộ 10, Quốc Tuấn,
An Lão, Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại: 0225.3922786
Số fax : 0225.3922783

MỤC LỤC

A1. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Thông điệp của chủ tịch HĐQT
2. Tâm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi

A2. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Giới thiệu Ban lãnh đạo
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro

B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

C. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2020
2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020
3. Tình hình tài chính
4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý
5. Phương hướng phát triển

D. BÁO CÁO CỦA HĐQT

1. Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của công ty
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGĐ
3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Giao dịch và thu lao của HĐQT, BKS và BGĐ
4. Tăng cường quản trị công ty

F. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

G. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Một số chỉ tiêu chính

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 2020 đã kiểm toán

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	2019	2020
Kết quả hoạt động kinh doanh		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.156.797.244.733	2.982.562.532.161
Giá vốn hàng bán	2.010.938.796.829	2.790.179.365.413
Lợi nhuận trước thuế	36.653.540.400	59.427.127.263
Lợi nhuận sau thuế	29.112.739.078	46.777.054.773
Bảng cân đối kế toán		
Tổng tài sản	2.024.476.118.263	2.383.344.277.521
Vốn chủ sở hữu	407.540.935.726	454.254.132.754
Nợ phải trả	1.616.935.182.537	1.929.090.144.767
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu		
ROE	7,59%	10,68%
ROA	1,74%	2,09%



A1.

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Thông điệp của chủ tịch HĐQT
2. Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi



A1. PHẦN MỞ ĐẦU

1. THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC,

Năm 2020 đi qua, đánh dấu nhiều bất ổn chưa từng có với kinh tế thế giới và Việt Nam. Đại dịch Covid-19 lan rộng tại nhiều nước trên thế giới là một cú sốc lớn, làm gián đoạn hoạt động kinh tế - xã hội toàn cầu. Các xung đột thương mại giữa các nước, các khu vực, thiên tai, dịch bệnh đã liên tiếp tác động tới Việt Nam. Bất chấp khó khăn, kinh tế Việt Nam năm 2020 vẫn duy trì tăng trưởng đạt mức 2,91%, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm nhờ thực hiện tốt mục tiêu kép kiểm soát tốt dịch bệnh và phục hồi phát triển kinh tế.

Nhìn chung, các doanh nghiệp trong ngành cơ khí đều đối mặt với không ít những thách thức tiêu biểu như đứt gãy chuỗi cung ứng trong kinh doanh, khó khăn trong tiếp cận khách hàng mới, hạn chế triển khai được kế hoạch và đảm bảo an toàn nơi làm việc trong năm vừa qua. Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC cũng không nằm ngoài những tác động tiêu cực này nhưng sự chủ động thích nghi với khó khăn và sự dẫn dắt của Ban lãnh đạo Công ty đã giúp hoạt động kinh doanh được duy trì ở con số ấn tượng trong một năm đầy sóng gió. Doanh thu thuần năm 2020 đạt hơn 2.982 tỷ đồng tương ứng với mức tăng trưởng 38%. Lợi nhuận sau thuế đạt 46,70 tỷ đồng, tăng 61% so với năm 2019.

Trong năm 2021, ngành cơ khí Việt Nam được dự báo là sẽ có nhiều chuyển biến tích cực. Việc Việt Nam tham gia hàng loạt các Hiệp định thương mại tự do (FTA) và dòng dịch chuyển đầu tư toàn cầu đang diễn ra mạnh mẽ sẽ mang lại những cơ hội lớn cho các doanh nghiệp trong ngành. Tăng trưởng kinh tế dương trong năm 2020, ngăn chặn dịch bệnh tốt đã làm nền tảng thúc đẩy kinh tế phát triển. Đây là điểm mạnh để thu hút đầu tư nước ngoài, tạo cơ hội cho các cơ sở sản xuất, công ty trong nước. Hơn nữa, để hỗ trợ doanh nghiệp cơ khí, trong năm 2021 và những năm tới, Bộ Công Thương tiếp tục tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động của hai Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp miền Bắc và miền Nam. Hiện nay, hai Trung tâm này đã có các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp cơ khí tại một số địa phương trên cả nước như hỗ trợ đào tạo hệ thống quản trị sản xuất, hệ thống quản lý kinh doanh, nâng cao năng lực đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế.

Chúng tôi tin tưởng rằng với sự sát cánh đồng tâm hiệp lực của toàn thể cán bộ công nhân Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC chúng tôi sẽ đạt được sự tăng trưởng bền vững không chỉ năm tới mà còn cả một quá trình dài sau này nữa. Chúng tôi một lần nữa xin cảm ơn quý cổ đông, các nhà đầu tư cũng như những khách hàng đã gắn bó với chúng tôi, luôn tin tưởng vào những giá trị cũng như sản phẩm mà công ty mang lại và hi vọng trong những năm tiếp theo chúng tôi vẫn nhận được sự ủng hộ quý giá này từ quý vị.

Xin chân thành cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

đã ký

Nguyễn Văn Nghĩa

1.2. TẦM NHÌN- SỨ MỆNH- GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tầm nhìn

AMECC mong muốn trở thành Tập đoàn lớn mạnh hàng đầu Việt Nam, góp phần xứng đáng vào sự phát triển của doanh nghiệp Việt Nam trong thế kỷ 21.

Sứ mệnh

AMECC mang lại sự Thịnh vượng và Niềm tin cho Khách hàng cũng như Nhà đầu tư, không ngừng phát triển và gia tăng Giá trị cuộc sống cho người lao động và toàn xã hội

Giá trị cốt lõi

Tại AMECC, mục đích tối thượng là thúc đẩy và định hướng các cá nhân và tổ chức nhận ra tiềm năng của chính họ thông qua môi trường làm việc năng động, đoàn kết và phương pháp làm việc mang tính tương tác cao.

A2.

THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Giới thiệu Ban lãnh đạo
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro



1. THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC
Tên viết tắt	AMECC JSC.
Tên tiếng anh	AMECC MECHANICAL JOINTSTOCK COMPANY
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	0200786983
Vốn điều lệ	366.298.650.000 đồng
Địa chỉ	Km35, Quốc lộ 10, Quốc Tuấn, An Lão, Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại	0225.3922786
Số fax	0225.3922783
Website	www.amecc.com.vn
Mã cổ phiếu	AMS
Logo	
Slogan	Cùng xây ngày mai

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
2512	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại
3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị
3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
2513	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)
2599	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt; Sản xuất dây cáp kim loại; Sản xuất đinh, ghim, đinh tán, đinh vít, xích; Sản xuất chân vịt tàu và cánh, mỏ neo, chuông, đường ray tàu hoả, móc gài, khoá bản lề; Sản xuất đường ống chịu áp lực
3314	Sửa chữa thiết bị điện
4311	Phá dỡ
4321	Lắp đặt hệ thống điện
4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
4940	Vận tải đường ống
5012	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
7710	Cho thuê xe có động cơ
3700	Thoát nước và xử lý nước thải
4312	Chuẩn bị mặt bằng
2591	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
2592 (Chính)	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt thang máy, cầu thang tự động; Lắp đặt các loại cửa tự động; Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống âm thanh, hệ thống hút bụi
4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Nạo vét luồng lạch; Sửa chữa công trình xây dựng
4653	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy thủy

Các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính

Sứ mệnh

Tư vấn-thiết kế

Các công trình công nghiệp, dân dụng, kết cấu thép, nhà tiền chế, hệ thống ống cao áp và hạ áp, giá đỡ ống, bồn bể, cầu trục, thiết bị nâng, và các thiết bị phi tiêu chuẩn khác...
Các phần mềm áp dụng trong thiết kế: Autocad, Tekla, CP Manager, Autonet, các phần mềm pha cắt...

Sứ mệnh

Gia công chế tạo

Kết cấu thép, thiết bị phi tiêu chuẩn, các loại nhà thép tiền chế, cột thép, ống công nghệ hạ áp và cao áp, các loại bồn bể áp lực, cầu trục, thiết bị nâng, cầu hành khách sân bay, hệ thống băng tải, kết cấu cầu, công ten nơ...

Sứ mệnh

Dịch vụ vận chuyển

Với đội ngũ lái xe chuyên nghiệp, có kinh nghiệm trong việc vận chuyển đường dài, được trang bị các loại xe trọng tải lớn, hiện đại, có khả năng đáp ứng nhanh, kịp thời, vận chuyển hàng hóa an toàn, theo nhu cầu của khách hàng.

Sứ mệnh

Cung cấp

Các sản phẩm mạ kẽm, kẽm phi hợp kim, vật liệu bọc lót chống mài mòn.
Các chủng loại vật liệu bằng kim loại (thép tấm, thép hình, thép mạ, ống thép, bu lông, dây hàn, que hàn...)

Sứ mệnh

Xây lắp

Xây dựng và lắp đặt các nhà máy nhiệt điện, thủy điện, xi măng, phân đạm, lọc dầu, hóa chất, nhà máy sản xuất thép, nhà máy xử lý nước, công trình thủy lợi, công trình hàng hải, các công trình dân dụng...

Sứ mệnh

Sửa chữa, bảo dưỡng

Bảo dưỡng và sửa chữa các công trình nhiệt điện, xi măng, lọc dầu, hóa chất và các công trình công nghiệp và dân dụng khác.

Địa bàn kinh doanh



Công ty có các dự án, công trình lớn trải khắp 3 miền Bắc - Trung - Nam tại Việt Nam cũng như ở nước ngoài:

- Dự án Long Sơn - Sam Sung, Hyundai, Thiết kế, xây dựng và cung cấp thiết bị đồng bộ nhà Hangar (EPC)
- Dự án Hangar số 3 tại Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài
- Dự án điện năng lượng mặt trời Phước Thái 1 - Ninh Thuận
- Dự án Nhà máy xử lý nước Thăng Long
- Dự án sản xuất phân bón phức hợp từ ure nóng chảy Cà Mau
- Công trình dự án phát điện Nhà máy thép liên hợp Dung Quất Hòa Phát - Hà Tĩnh
- Dự án Nhiệt điện Uông Bí.
- Dự án BHI - Hàn Quốc

Quá trình hình thành và phát triển

- Ngày 01/02/2008: Công ty chính thức được thành lập với tên giao dịch: Công ty cổ phần LISEMCO 2. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200786983, do Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hải phòng cấp ngày 01/02/2008 và Giấy chứng nhận đầu tư số 02121000216, do Ủy ban Nhân dân Hải phòng cấp ngày 26 tháng 09 năm 2008. Công ty thực hiện việc đầu tư Dự án Xây dựng Nhà máy chế tạo thiết bị đồng bộ LISEMCO và hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Ngày 25/04/2016: Công ty cổ phần LISEMCO 2 được đổi tên thành Công ty cổ phần cơ khí xây dựng AMECC (AMECC JSC). AMECC JSC hiện có 3 nhà máy chế tạo thiết bị và kết cấu thép với tổng diện tích 240.000m² và năng lực gia công chế tạo khoảng 30.000 tấn/năm.

- Năm 2014, AMECC JSC liên kết với các nhà đầu tư thành lập Công ty cổ phần mạ kẽm AMECC chuyên mạ kẽm nhúng nóng, với trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, cho ra những sản phẩm mà có độ bền cao, với chiều dày lớp mạ lên đến 150μm.

- Năm 2016, AMECC JSC thành lập Công ty cổ phần thương mại AMECC chuyên cung cấp các chủng loại vật liệu bằng kim loại (thép tấm, thép hình, thép mạ, ống thép, bu lông, dây hàn, que hàn...) với giá cả cạnh tranh, đảm bảo chất lượng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

- Năm 2018, AMECC JSC thành lập Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật AMECC Miền Nam thực hiện chiến lược mở rộng thị trường phía Nam với ngành nghề kinh doanh chính gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Hợp tác với các đối tác lớn như Samsung, Hyundai thực hiện các dự án EPC tại khu vực Miền Nam.

- Hiện nay, AMECC JSC đang đồng hành cùng cả nước phát triển ngành công nghiệp chế tạo, xây lắp, xây dựng mục tiêu trở thành nhà thầu chính cho các dự án lớn. AMECC JSC đang triển khai tham gia một số Dự án đầu tư tại thị trường Myanmar.

3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu); tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Hội đồng quản trị

Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu); tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

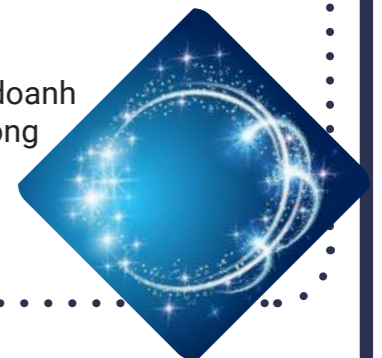
Hội đồng quản trị có không ít hơn 03 (ba) thành viên, không quá 11 (mười một) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có từ ba (3) đến năm (5) thành viên do Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu; nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tổng giám đốc

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.



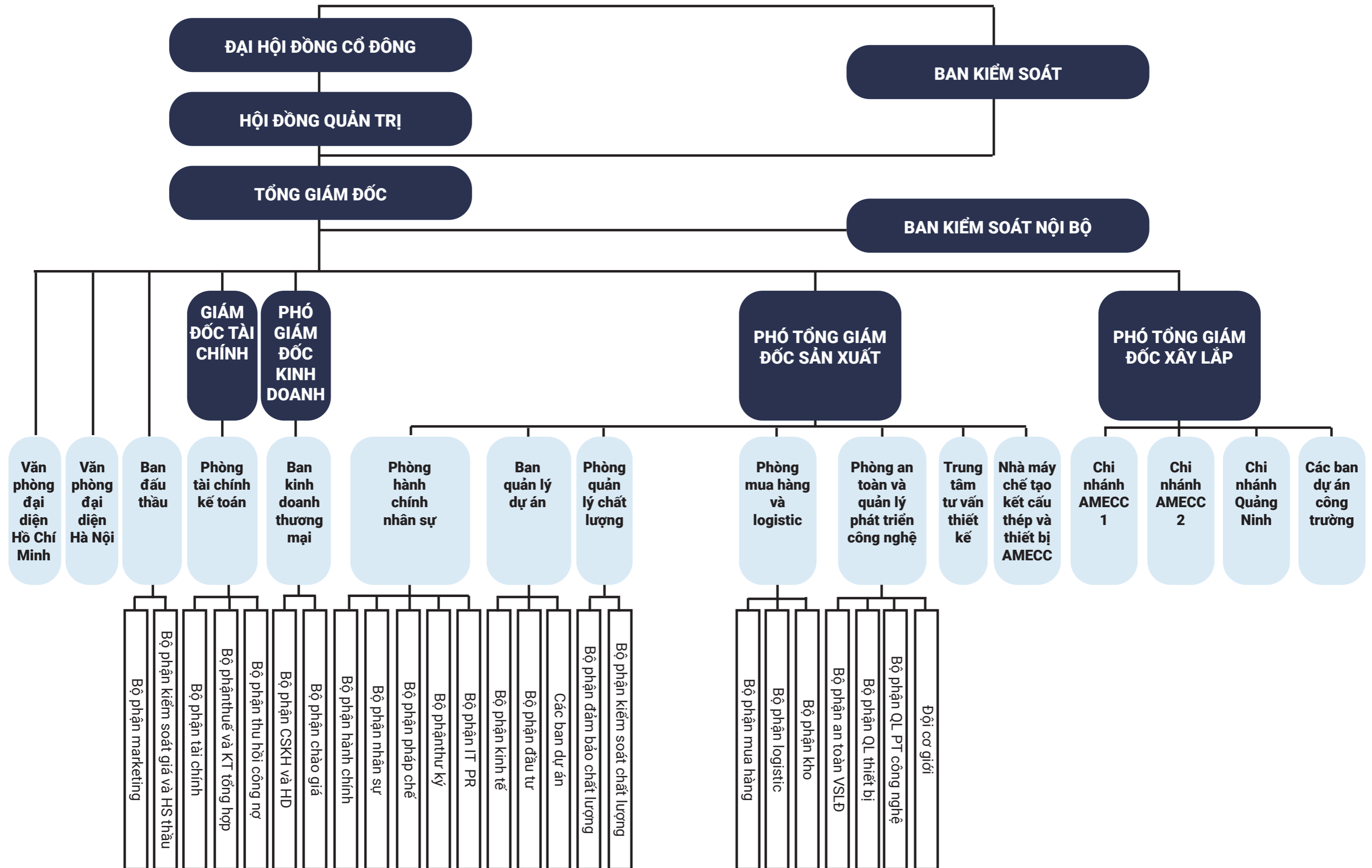
STT	Công ty con, công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của AMS
I Công ty con					
1	Công ty TNHH AMECC MYANMAR	Nhà số (B/7/A), Hanthar Yeik Moon, Thị trấn Kamayut, Yangon, Myanma	Theo hoạt động ủy quyền của Công ty mẹ	500.000 USD (tương đương 11.365.000.000 đồng)	100%
2	CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI AMECC WEI SHENG	Km 35 - Quốc lộ 10 - Xã Quốc Tuấn, Huyện An Lão, TP. Hải Phòng	Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng các loại; Gia công cơ khí, chế tạo thiết bị và lắp đặt thiết bị, kết cấu thép	41.999 tỷ đồng	50,83%
3	CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT AMECC MIỀN NAM	Tầng 3 tòa nhà Hodeco, số 36 Nguyễn Thái Học, Phường 7, TP Vũng Tàu	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	10 tỷ đồng	51%

Công ty được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, các văn bản quy định khác có liên quan và Điều lệ của Công ty:

+ Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm:

- * Đại hội đồng cổ đông
- * Hội đồng quản trị
- * Ban kiểm soát
- * Ban điều hành
- * Khối tham mưu giúp việc: Có các phòng ban: - Phòng hành chính nhân sự - Tài chính kế toán - Mua hàng và Logistics - Quản lý dự án - An toàn và Quản lý phát triển công nghệ - Quản lý chất lượng và Ban kinh doanh thương mại - Trung tâm tư vấn thiết kế - Ban đấu thầu - Ban quản lý công trường.
- * Khối trực tiếp sản xuất: Tổ chức các đơn vị trực tiếp sản xuất của Công ty bao gồm Nhà máy, các chi nhánh và các Đội sản xuất.





4. GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

Giới thiệu HĐQT

Ông Nguyễn Văn Nghĩa – Chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Văn Nghĩa	
Ngày tháng năm sinh	24/03/1963
Nơi sinh	Cao Xá - Lâm Thao - Phú Thọ
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Số CMND	130149322
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Tỷ lệ CP sở hữu	12,31%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

Ông Nguyễn Văn Thọ - Thành viên HĐQT, TGD Công ty

Ông Nguyễn Văn Thọ - Thành viên HĐQT, TGD Công ty	
Ngày tháng năm sinh	20/07/1975
Nơi sinh	Tân Thọ, Nông Cống, Thanh hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	12,57%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

Giới thiệu HĐQT (tiếp)

Ông Kikugawa Tetsuya - Thành viên HĐQT

Ông Kikugawa Tetsuya - Thành viên HĐQT	
Ngày tháng năm sinh	07/10/1966
Nơi sinh	Nhật Bản
Quốc tịch	Nhật Bản
Dân tộc	Nhật Bản
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân luật
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

Ông Miyota Yukio – Thành viên HĐQT

Ông Miyota Yukio – Thành viên HĐQT	
Ngày tháng năm sinh	07/01/1971
Nơi sinh	Nhật Bản
Quốc tịch	Nhật Bản
Địa chỉ thường trú	Nhật Bản
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân thiết kế
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

Ông Nguyễn Sơn – Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Sơn – Thành viên HĐQT	
Ngày tháng năm sinh	29/07/1974
Nơi sinh	Đông Sơn, Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ kinh tế
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	1,50%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

Ông Trần Ngọc Dương - Thành viên HĐQT

Ông Trần Ngọc Dương - Thành viên HĐQT	
Ngày tháng năm sinh	24/08/1972
Nơi sinh	Hưng Yên
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	1,50%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

Ông Đinh Ngọc Thăng - Thành viên HĐQT

Ông Đinh Ngọc Thăng - Thành viên HĐQT	
Ngày tháng năm sinh	21/10/1967
Nơi sinh	Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế ngoại thương
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	1,80%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Người đại diện phần vốn góp CTCP Vận tải biển quốc tế VISC

Giới thiệu BKS

Ông Nguyễn Hữu Phong - Trưởng Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Hữu Phong - Trưởng Ban kiểm soát	
Ngày tháng năm sinh	01/01/1964
Nơi sinh	Gia Khánh, Gia Lộc, Hải Dương
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0,74%

5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Ông Fujiwara Norimasa - Thành viên Ban kiểm soát

Ông Fujiwara Norimasa	
Ngày tháng năm sinh	07/08/1958
Nơi sinh	Nhật Bản
Quốc tịch	Nhật Bản
Dân tộc	Nhật Bản
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0

Ông Nguyễn Đức Thành - Thành viên Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Đức Thành	
Ngày tháng năm sinh	12/09/1980
Nơi sinh	An Lão, Hải Phòng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0%

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Phát huy tối đa lợi thế, năng lực ngành nghề, nâng cao chất lượng nguồn lực, tạo năng lực cạnh tranh trên thị trường trong nước và ngoài nước. Với mục tiêu là vai trò tổng thầu EPC, thực hiện gia công chế tạo kết cấu thép, lắp đặt thiết bị và thực hiện dịch vụ bảo trì, sửa chữa theo nhóm ngành năng lượng, xi măng, hóa chất, khí hóa dầu.

- Tăng cường công tác Marketing, đấu thầu tìm việc làm ổn định cho người lao động, thúc đẩy hợp tác với các đối tác sẵn có, liên doanh, liên kết và có phương án huy động vốn đảm bảo phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh được kịp thời.

- Xây dựng chính sách đãi ngộ và đào tạo nguồn nhân lực kỹ sư, kỹ thuật, kỹ sư quản lý dự án, kỹ sư quản lý chất lượng, thợ hàn kỹ thuật cao, thợ lắp đặt để nâng cao giá trị năng lực, thương hiệu, cũng như công suất gia công chế tạo và lắp đặt đáp ứng thi công các dự án lớn.

- Tiếp tục nghiên cứu, triển khai công tác đổi mới tại doanh nghiệp phù hợp với quy mô và hoạt động thực tế của Công ty trong đó trọng tâm là công tác tổ chức và hệ thống quản trị công ty.

- Đảm bảo công tác an toàn lao động, thực hiện tốt vệ sinh công nghiệp, hàng năm tăng cường trồng cây xanh trên phạm vi mặt bằng Công ty tạo môi trường xanh, sạch, đẹp cho Công ty và cộng đồng.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Chiến lược về SXKD

- Duy trì ngành nghề kinh doanh chính và phát triển quy mô sản xuất kinh doanh, mở rộng và khai thác thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu, nâng tỷ trọng hàng xuất khẩu và lắp đặt cao hơn để có điều kiện tăng lợi nhuận. Hợp tác với các nhà thầu có uy tín trong và ngoài nước để tham gia làm thành viên trong Tổng thầu EPC thực hiện các dự án lớn trong nước và ngoài nước.
- Tiếp tục đầu tư chiều sâu gồm máy móc, thiết bị, đáp ứng các ngành nghề cung cấp chế tạo, xây lắp tổng thầu các dự án có quy mô lớn, khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất đã đầu tư hoàn thành. Duy trì và tăng cường hệ thống quản lý ISO, ASME, 5S... và các phần mềm quản lý khác.

Chiến lược về vốn

- Chủ động xây dựng kế hoạch dòng tiền trong dài hạn, ổn định là mục tiêu quan trọng trong chiến lược kinh doanh của Công ty. Thúc đẩy tăng trưởng nhằm tăng doanh thu và mở rộng cơ hội kinh doanh trong lĩnh vực thương mại để có nguồn thu thường xuyên, ổn định, đảm bảo nguyên tắc hiệu quả và bảo toàn vốn.
- Nghiên cứu giảm thiểu chi phí thông qua các công cụ nợ, hình thức huy động vốn hiệu quả. Tái cơ cấu nợ bằng phương thức thay các khoản vay ngắn hạn lãi suất cao bằng các khoản vay dài hạn lãi suất hợp lý. Xây dựng quy chế tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế lương và khen thưởng cũng như chính sách phù hợp đối với người lao động nhằm tối đa hóa lợi ích cho doanh nghiệp.

Hệ thống quản trị

- Xác định hệ thống quản trị phù hợp là nền tảng để doanh nghiệp phát triển bền vững, tăng cường công tác quản lý tài chính, quản lý rủi ro và giám sát chi tiêu bằng cách kiểm soát hiệu quả công tác thu hồi công nợ, áp dụng các biện pháp tiết giảm chi phí.
- Mở rộng thị trường trong nước và phát triển thị trường ra nước ngoài, phát huy vai trò của các Chi nhánh, Văn phòng đại diện trong và ngoài nước. Đẩy mạnh việc phát triển thương hiệu giữa mối quan hệ với các đối tác hiện có và tiếp cận khách hàng tiềm năng bằng nhiều kênh và đầu mối thông tin, linh hoạt nắm bắt cơ hội để mở rộng thị trường.
- Tăng cường cải tiến hệ thống quản lý cơ cấu bộ máy tổ chức nhân sự để phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty. Hiện tại cổ phiếu của công ty đã lưu ký trên sàn UPCoM và sẽ cân nhắc thời điểm thích hợp niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP. HCM (HOSE).

Nguồn nhân lực

- Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là cán bộ kỹ thuật, khoa học công nghệ để đáp ứng cho việc thực hiện ngành kinh doanh chính trên cơ sở kế hoạch phát triển quy mô sản xuất và doanh thu.
- Xây dựng bộ máy quản lý tinh gọn, hiệu quả để giảm tỷ lệ lao động gián tiếp và giảm chi phí gián tiếp.
- Nâng cao chất lượng lao động theo hướng chuyên môn hóa, đào tạo năng lực trình độ chuyên môn và quy hoạch bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý.
- Tăng cường xây dựng kỹ năng làm việc, tác phong công nghiệp và văn hóa doanh nghiệp cho CBCNV; đảm bảo việc làm, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

Các mục tiêu phát triển đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của công ty

Thực hiện tốt công tác vệ sinh công nghiệp, công tác bảo vệ và cải thiện môi trường, tăng cường trồng cây xanh trên phạm vi mặt bằng Công ty tạo nên môi trường Xanh - Sạch - Đẹp cho Công ty, cộng đồng và xã hội.

6. CÁC RỦI RO



Diễn biến khó lường của dịch bệnh Covid-19 có thể gây ảnh hưởng lớn tới nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành cơ khí nói riêng. Ngành cơ khí hiện vẫn còn trong giai đoạn khó khăn và phục hồi khá chậm. Chính sách bảo hộ với ngành cơ khí còn nhiều yếu tố hạn chế, đối với các dự án lớn sự cạnh tranh khốc liệt giữa nhà thầu nước ngoài với nhà thầu trong nước. Do vậy các Doanh nghiệp vừa và nhỏ nói chung và tình hình SXKD của Công ty nói riêng ít nhiều cũng bị ảnh hưởng. Việc rủi ro được nhận dạng và phân loại theo hai phương diện: khách quan và chủ quan.

Rủi ro đối với lĩnh vực kinh doanh

Khách quan: Là những rủi ro xuất hiện nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty.

- Rủi ro từ chính sách,
- Rủi ro từ các sự kiện bất khả kháng.

Chủ quan: Là những rủi ro nảy sinh từ trong quá trình hoạt động SXKD của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn;

- Rủi ro trong hoạt động quản trị, điều hành;
- Rủi ro trong quản lý tài chính, kế toán;
- Rủi ro trong lĩnh vực đầu tư;
- Rủi ro trong đấu thầu;
- Rủi ro trong ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế;
- Rủi ro trong tổ chức thi công.

Đánh giá và ứng phó với các rủi ro

Sự rủi ro có thể tồn tại song song với hoạt động SXKD của doanh nghiệp, vì vậy trong các trường hợp cụ thể trên cơ sở đánh giá mức độ rủi ro cân đối với lợi ích toàn diện về tài chính, cơ hội. Công ty có các phương án ứng phó rủi ro khác nhau:

- Chấp nhận rủi ro nếu thấy có thể kiểm soát.
- Giảm thiểu rủi ro nếu chưa có giải pháp kiểm soát toàn bộ.
- Chuyển/chia sẻ rủi ro nếu không muốn và/hoặc không thể chấp nhận toàn bộ.
- Né tránh rủi ro nếu không có giải pháp kiểm soát.

B.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu



1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Thông tin ngành

Năm 2020, do tác động của dịch COVID-19, rất nhiều doanh nghiệp trong ngành cơ khí có doanh thu sụt giảm mạnh, đặc biệt là trong quý I, quý II năm 2020, thời điểm đầu bùng phát dịch bệnh. Hầu như các doanh nghiệp đều chịu ảnh hưởng mạnh cả về trực tiếp và gián tiếp. Việc đứt gãy nguồn cung nguyên vật liệu trong một giai đoạn như vậy đã kéo theo sự sụt giảm doanh thu của các doanh nghiệp trong ngành. Trang thiết bị máy móc đã được đầu tư trước đó nhưng không thể đưa vào khai thác, sản xuất hết công suất. Theo báo cáo từ Hiệp hội Công nghiệp hỗ trợ Việt Nam (VASI), năm 2020, do tác động của dịch bệnh, gần 50% số doanh nghiệp thuộc hiệp hội có doanh thu sụt giảm mạnh.

Tuy nhiên, bằng các giải pháp của mình, nhiều doanh nghiệp đã linh hoạt trong sản xuất, sắp xếp lại bộ máy quản lý; từ đó, vẫn có được những đơn hàng, vượt qua giai đoạn khó khăn nhất của dịch bệnh. Đặc biệt, việc đứt gãy nguồn cung buộc các công ty cơ khí kết hợp với các doanh nghiệp trong nước để tìm kiếm thêm nguyên liệu, cơ hội xuất khẩu. Đây là điểm tích cực mà dịch bệnh gián tiếp mang lại cho cộng đồng doanh nghiệp trong nước. Trong khó khăn dịch bệnh, nhiều ngành nghề đã gặp thua lỗ lớn hoặc buộc phải đóng cửa. Nhưng cũng từ đây, cơ hội cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành cơ khí đã xuất hiện.

Trong bối cảnh thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, ngành cơ khí Việt Nam có rất nhiều tiềm năng phát triển. Làn sóng chuyển dịch các nhà máy từ Trung Quốc sang các nước lân cận, trong đó có Việt Nam, cùng việc tích cực tham gia các hiệp định FTA được nhận định sẽ mang lại nhiều cơ hội phát triển cho ngành cơ khí Việt Nam năm 2021.

Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2020	TH năm 2020	TH 2020/KH 2020 (%)
Doanh thu	Tỷ đồng	1.700,00	2.464,47	144,97%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	60,00	43,70	72,83%

Bất chấp những khó khăn trên thị trường kinh tế nói chung và ngành cơ khí nói riêng, doanh thu công ty mẹ vẫn đạt tăng trưởng dương và vượt 44,97% so với kế hoạch đề ra tại Đại hội đồng cổ đông 2020. Doanh thu Lợi nhuận sau thuế đạt khoảng 43,70 tỷ đồng, tương đương khoảng 72,83% so với kế hoạch.

Kết quả kinh doanh

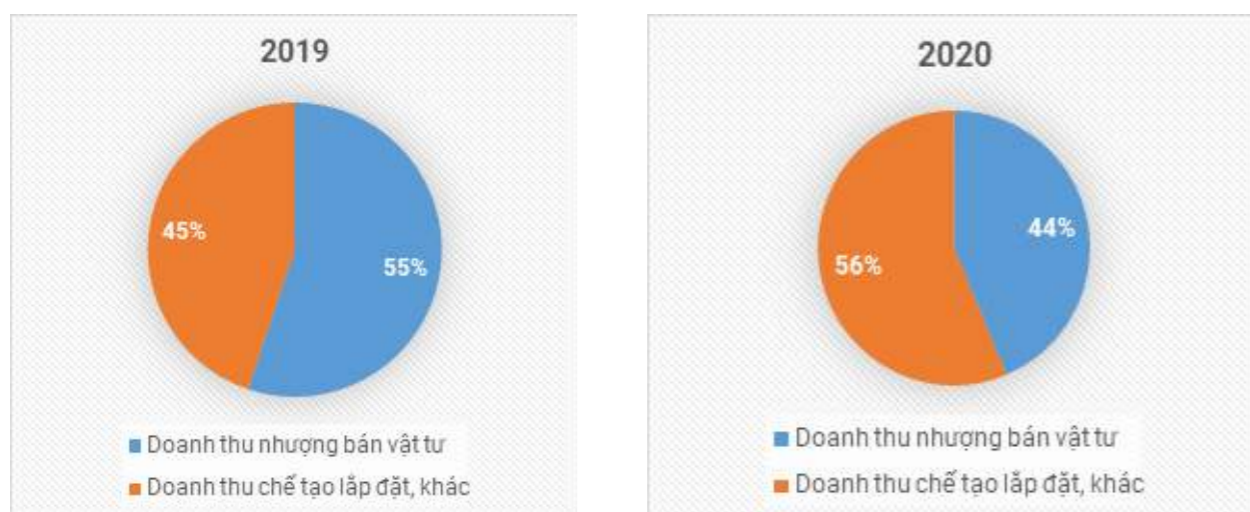
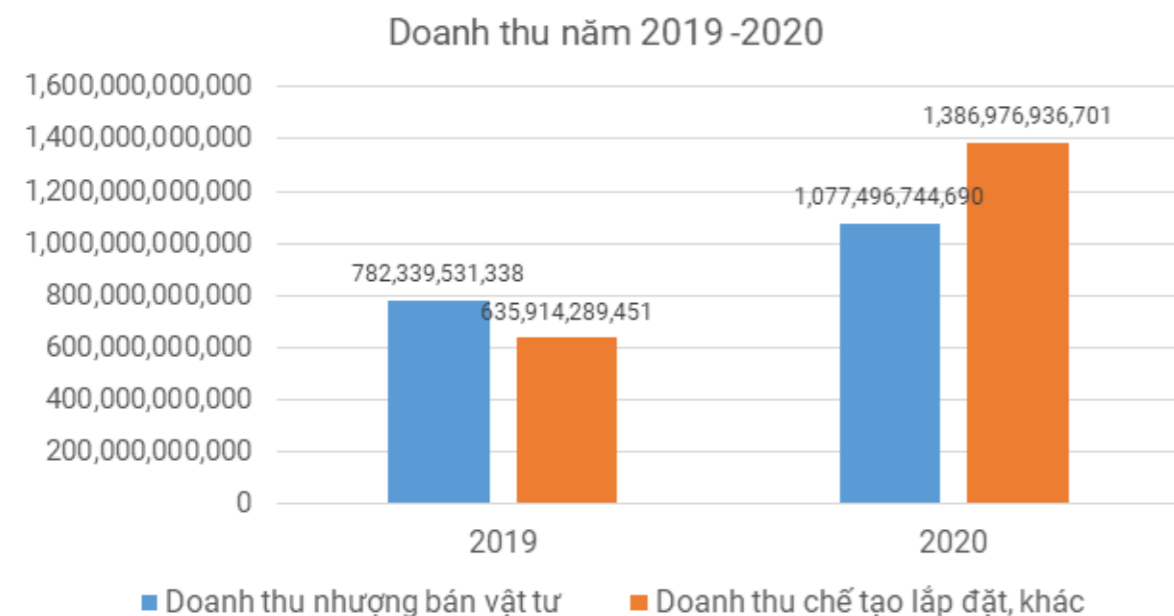
Chỉ tiêu	2019 (VNĐ)	2020 (VNĐ)	Tăng/giảm (%)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.156.797.244.733	2.982.562.532.161	38,29%
Giá vốn hàng bán	2.010.938.796.829	2.790.179.365.413	38,75%
Lợi nhuận trước thuế	36.653.540.400	59.427.127.263	62,13%
Lợi nhuận sau thuế	29.112.739.078	46.777.054.773	60,68%

Doanh thu và lợi nhuận của AMECC vẫn luôn tăng trưởng đều đặn qua các năm. Tỷ lệ tăng trưởng trong một năm của doanh thu thuần là 38,29%. Đặc biệt, trong năm 2020, lợi nhuận trước và sau thuế tăng trưởng một cách ấn tượng. Lợi nhuận trước và sau thuế tăng lần lượt là 62,13% và 60,68%, đạt mức lợi nhuận sau thuế gần 47 tỷ đồng.

Việc doanh thu tăng trưởng gần 40% trong khi lợi nhuận sau thuế tăng trưởng lên tới 20,30% cho thấy sự nỗ lực trong việc cắt giảm chi phí, tối ưu hóa lợi nhuận trong công tác sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp.



Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận



Trong năm 2020, doanh thu từ chế tạo lắp đặt, khác đã từ hơn 635 tỷ đồng lên hơn 1.386 tỷ, tương ứng tăng 118%, vượt mức tăng trưởng 37% của doanh thu từ nhượng bán vật tư, tăng mức tỷ trọng từ 45% năm trước lên 56% trong cơ cấu doanh thu năm 2020 của AMS.

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Ban điều hành

Ông Nguyễn Văn Thọ - Tổng giám đốc Công ty (thông tin đã nêu trên)
Ông Đỗ Tiến Thành - Phó Tổng giám đốc

Ông Đỗ Tiến Thành

Ngày tháng năm sinh	20/02/1968
Nơi sinh	Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư vỏ tàu biển/Cử nhân Quản trị kinh doanh
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0%
Chức vụ đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

Ông Nguyễn Văn Dũng – Phó Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Văn Dũng	
Ngày tháng năm sinh	26/01/1981
Nơi sinh	Xóm Làng Phan, Xã Linh Sơn, Huyện Đồng Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0,03%
Chức vụ đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

Bà Nguyễn Thị Thọ Vân – Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thọ Vân	
Ngày tháng năm sinh	27/01/1976
Nơi sinh	Hải Phòng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Tỷ lệ CP sở hữu của bản thân	0%
Chức vụ đảm nhiệm tại các tổ chức khác	Không

Nhân sự và chính sách nhân sự
Số lượng: 850 lao động
Cơ cấu nhân sự

STT	Tiêu chí	Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng
I Theo trình độ lao động			
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	187	22,00%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	30	3,53%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	318	37,41%
4	Lao động phổ thông	315	37,06%
II Theo đối tượng lao động			
1	Lao động trực tiếp	690	81,18%
2	Lao động gián tiếp	160	18,82%
III Theo giới tính			
1	Nam	758	89,18%
2	Nữ	92	10,82%
IV Theo thời hạn HĐLĐ			
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	512	60,24%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	174	20,47%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	164	19,29%
V Theo cấp quản lý			
1	Quản lý cấp cao	7	0,82%
2	Quản lý cấp trung	18	2,12%
3	Quản lý cấp chi nhánh	6	0,71%
4	Chuyên viên, nhân viên	39	4,59%
VI Theo độ tuổi			
1	Từ 18 đến 25 tuổi	127	14,94%
2	Từ 26 đến 35 tuổi	204	24,00%
3	Từ 36 đến 45 tuổi	315	37,06%
4	Trên 45	204	24,00%
Tổng số lao động		850	100

Chính sách đối với người lao động

Về tiền lương: Hiện nay, Công ty đang áp dụng hình thức trả lương theo tính chất và hiệu quả công việc mức lương bình quân thu nhập trên 13,5 triệu đồng/1 người/1 tháng. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất áp dụng lương khoán theo khối lượng công việc hoàn thành trong tháng. Đối với CBCNV gián tiếp, nghiệp vụ chuyên môn hưởng lương theo mức quy định chức danh và hệ số hàng tháng. Hệ số căn cứ vào công việc, trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Hiện tại, Công ty đang tiến hành xây dựng hình thức trả lương theo nguyên tắc 3P, xây dựng KPI cho từng cá nhân, nhằm đảm bảo công bằng và hợp lý để khuyến khích người lao động phấn đấu và hăng say trong công tác.

Công tác đào tạo: Công ty cử cán bộ chủ chốt tham gia lớp tập huấn về quản trị công ty, quản trị nhân sự, tài chính và quản lý dự án, tiếp cận công nghệ cao, áp dụng phần mềm quản lý trong quá trình SXKD. Hàng năm công ty thường xuyên mở các khóa tập huấn về chuyên môn, đào tạo tại chỗ cho các công nhân lành nghề được cấp chứng chỉ như: Chứng chỉ 3G, 4G, 6G...Thì nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty. Mở lớp đào tạo ngoại ngữ cho CBCNV.

Về chính sách khen thưởng: Để khuyến khích người lao động, hàng năm Công ty tổ chức phong trào thi đua khen thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc hoàn thành tốt nhiệm vụ, bên cạnh đó Công ty cũng áp dụng các quy định xử phạt đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của công ty.

Công tác đời sống, quyền lợi đối với người lao động: Công ty luôn quan tâm đảm bảo việc làm cho người lao động làm việc và thu nhập tương xứng với kết quả lao động, trả lương kịp thời và hỗ trợ 100% chi phí ăn trưa, ăn tối phục vụ CBCNV đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm. Tổ chức cho người lao động đi tham quan, du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khó khăn kịp thời và đúng đối tượng cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn. Ngoài ra, Công ty phát động gây dựng Quỹ tình thương, đảm bảo kinh phí để hỗ trợ cho các đối tượng theo quy chế mà Công ty đã quy định.

Thực hiện đầy đủ chính sách đối với người lao động theo quy định hiện hành của Nhà nước như: Chế độ BHXH, BHYT cho 100% người lao động được hưởng chế độ, mua bảo hiểm thân thể, hàng năm tổ chức Hội nghị người lao động và khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV.



3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Dự án mới đầu tư trong năm

STT	Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
1	Tên dự án:	Nâng cấp nhà máy chế tạo kết cấu thép và thiết bị AMECC và nhà máy chế tạo kết cấu thép và thiết bị AMECC 2
2	Tên nhà đầu tư	Công ty cổ phần cơ khí xây dựng AMECC
3	Hình thức đầu tư	Đầu tư phát triển kinh doanh
4	Mục tiêu đầu tư	Tăng công suất nhà máy
5	Quy mô dự án	Nhóm C
6	Địa điểm thực hiện dự án	Công ty cổ phần cơ khí xây dựng AMECC
7	Tổng mức đầu tư dự án	30 tỷ
8	Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	12 tháng



Tiến độ các dự án đang thực hiện

Dự Án Hóa Dầu Long Sơn

Tổ hợp Hóa dầu Miền Nam ((Long Sơn Petrochemicals - LSP) với tổng vốn đầu tư 5,4 tỷ USD đã tổ chức khởi công tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Đây là tổ hợp hoá dầu đầu tiên tại Việt Nam với công suất lên tới 1,6 triệu tấn/ năm, có khả năng thay thế các sản phẩm polyolefins đang phải nhập khẩu. Dự án cũng bao gồm các cơ sở hạ tầng khác bên cạnh tổ hợp sản xuất hoá dầu, khu cảng nước sâu.

Dự án được kỳ vọng sẽ tạo ra khoảng 15.000-20.000 việc làm trong quá trình xây dựng, hơn 1.000 lao động có kỹ thuật cao khi đi vào vận hành thương mại.

Dự án cũng ước tính sẽ góp 60 triệu USD/năm cho ngân sách quốc gia trong suốt 30 năm kể từ khi đi vào hoạt động.

Trong năm 2020, công ty đã phối hợp với các nhà thầu Samsung Engrineering và Vietranstimex hạ thủy thành công 2 module đầu tiên của dự án, đánh dấu sự thành công lớn đối với AMECC trong sự phát triển vươn xa tầm thế giới.

Tổng khối lượng 2 module (HD-PAR-001 và HD-PAR-002) là 1036 tấn được thiết kế theo dạng tách rời, toàn bộ HD-PAR-001 và HD-PAR-002 tách rời, được nhà thầu Vietranstimex được vận chuyển lên xà lan chuẩn bị lắp ráp tại đảo Long Sơn dự án Lọc hóa dầu Long Sơn.

Nhà máy điện Phước Thái 1 chính thức hoàn thành và bàn giao cho Chủ đầu tư EVN

Ngày 7/8, tại Ninh Thuận, ông Nguyễn Văn Thọ - Tổng giám đốc công ty CP Cơ khí xây dựng AMECC tham gia nghiệm thu công trình Nhà máy điện mặt trời Phước Thái 1, ông Nguyễn Tài Anh, Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu cấp Chủ đầu tư - EVN cùng các thành viên trong Hội đồng đã đã nghiệm thu và đồng ý đưa vào sử dụng Nhà máy điện mặt trời Phước Thái 1.

Nhà máy Điện mặt trời Phước Thái 1 nằm trên xã Phước Thái, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận với Công suất: 50Mw, được động thổ ngày 26/9/2019. Trên vùng đất hoang vu đầy sỏi đá, nơi những người Kỹ sư, công nhân lắp máy

Nhà máy điện mặt trời Phước Thái 1 có công suất 50MWp, sử dụng công nghệ tấm pin quang điện đa tinh thể, Inverter loại trung tâm. Cùng với đó xây dựng Trạm biến áp 220kV Phước Thái, công suất 2x125MVA. Giai đoạn đầu tư Nhà máy điện mặt trời Phước Thái 1 lắp trước 01 máy biến áp 125MVA và các hệ thống thiết bị đồng bộ. Xây dựng đường dây

02 mạch 220kV chiều dài 2,3km, trước mắt đầu nối chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây mạch kép 220kV Vĩnh Tân – Tháp Chàm. Ngoài ra còn thi công các hạng mục công trình phục vụ thi công, hạng mục đồng bộ và hệ thống điều khiển, giám sát từ xa, trạm quan trắc,...

Qua đánh giá của Hội đồng nghiệm thu, phạm vi khối lượng thực hiện đáp ứng theo thiết kế được duyệt. Về chất lượng công trình, công tác thi công xây dựng và lắp đặt thiết các hạng mục công trình đảm bảo theo yêu cầu thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật và hướng dẫn lắp đặt của nhà thầu cung cấp thiết bị.

Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC là Thành viên trong tổ hợp Nhà thầu EPC. Với hơn 300 ngày đêm BLĐ công ty, Ban chỉ huy công trường cùng toàn thể cán bộ công nhân viên tại dự án, với sự hỗ trợ, giúp đỡ tạo điều kiện của các đơn vị: Ban quản lý điện 3, tư vấn giám sát PECC1, tư vấn thiết kế PECC5, Xây lắp điện 1. Ngày 31/7/2020 dự án đã chính thức hoàn thành và bàn giao cho Chủ đầu tư là tập đoàn Điện lực Việt Nam EVN.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Kết quả hoạt động kinh doanh

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	2020-2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,06	1,03	-0,03
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,53	0,50	-0,02
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số nợ/tổng tài sản	%	79,87%	80,94%	1,07%
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	396,75%	424,67%	27,92%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	3,32	3,20	-0,12
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	1,28	1,35	0,07
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,35%	1,57%	0,22%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bình quân ROE	%	7,59%	10,68%	3,09%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng TS bình quân ROA	%	1,74%	2,09%	0,35%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	1,70%	2,01%	0,30%

Hệ số khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn của Doanh nghiệp giảm 0,03 lần so với năm 2019, dừng ở mức 1,03 lần. Hệ số thanh toán nhanh cũng giảm 0,02 lần, xuống 0,5 lần. Việc giảm các hệ số khả năng thanh toán là do trong năm, doanh nghiệp đã triển khai thực hiện các dự án nên đã phát sinh các khoản phải trả nhà cung cấp và phải trả khác. Khoản mục phải trả người bán ngắn hạn đã tăng từ hơn 295 tỷ lên gần 478 tỷ đồng; trong khi phải trả ngắn hạn khác tăng từ hơn 233 tỷ lên gần 445 tỷ đồng. Việc phát sinh các khoản phải trả ngắn hạn thể hiện là do quá trình sản xuất kinh doanh trong năm của AMECC.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số Nợ/Tổng tài sản và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đều tăng và tăng lần lượt là 1,07% và 27,02% so với năm 2019. Mức độ vay nợ của Doanh nghiệp để tài trợ cho tài sản vẫn đang ở mức an toàn và Công ty vẫn đang kiểm soát vay nợ hợp lý và ổn định.

Hệ số năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 3,32 xuống còn 3,2. Nguyên nhân là do hàng tồn kho tăng 20% từ 791 tỷ lên 952 tỷ đồng trong khi giá vốn hàng bán tăng tới 39% so với năm 2019, từ hơn 2,010 tỷ lên 2,790 tỷ đồng. Việc tốc độ tăng giá vốn hàng bán cao hơn tốc độ tăng của hàng tồn kho đã kéo hệ số vòng quay hàng tồn kho giảm nhẹ.

Hệ số doanh thu thuần/tổng tài sản tăng 0,07 lần do tổng tài sản trong năm 2020 chỉ tăng 18% trong khi doanh thu thuần đã tăng 38% từ 2,156 tỷ lên 2,982 tỷ.

Hệ số khả năng sinh lời

Hai chỉ số quan trọng là ROE và ROA đều có xu hướng tăng nhẹ trong năm 2020, theo thứ tự, tăng 3,09% lên 0,35% do cả lợi nhuận, vốn chủ sở hữu và tài sản của Doanh nghiệp đều tăng đáng kể. Đặc biệt, lợi nhuận sau thuế của AMS đạt mức gần 47 tỷ, tăng 60% so với năm trước.

5. CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Tính đến hết ngày 31/12/2020, Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC đã phát hành 36.629.865 cổ phiếu. Trong đó:

Số cổ phần phổ thông: 36.629.865 cổ phiếu

Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu

Số cổ phần đang lưu hành: 36.629.865 cổ phiếu

Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/ cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 29/12/2020

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	670	24.762.281	67,60%
1	Cổ đông tổ chức	03	990.000	2,70%
2	Cổ đông cá nhân	667	10.877.584	29,70%
II	Cổ đông nước ngoài	04	11.867.584	32,40%
1	Cổ đông tổ chức	03	11.642.169	31,78%
2	Cổ đông cá nhân	01	225.415	0,62%
	Tổng cộng	674	36.629.865	100,00%

AMS không có cổ đông nhà nước.

Danh sách cổ đông lớn

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 29/12/2020

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
1	Nguyễn Văn Nghĩa	4.510.000	12,31%
2	Nguyễn Văn Thọ	4.603.969	12,57%
3	SANKYU INC.	11.000.000	30,03%
	Tổng	30.759.215	83,97%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đợt tăng vốn trong năm

12/2020, công ty phát hành 3.329.865 cổ phiếu dưới hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu, nâng tổng giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch lên 366.298.650.000 đồng

Lịch sử tăng vốn



C.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2020
2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020
3. Tình hình tài chính
4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý
5. Phương hướng phát triển



1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

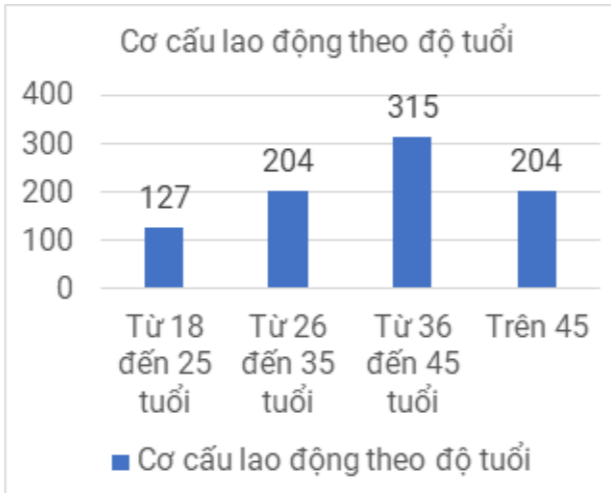
Tình hình tăng vốn chủ sở hữu

Trong năm 2020, theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị tháng 8 năm 2020, lợi nhuận của các cổ đông năm 2019 được chuyển thành vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp. Theo đó, tổng số vốn chủ sở hữu của AMECC tăng từ 333 tỷ đồng lên thành 366,3 tỷ đồng.

Đầu tư nhà xưởng, trang thiết bị

Trong năm 2020 và một phần cho kế hoạch năm 2021, tổng mức đầu tư của Công ty là 70.555.174.930 tỷ đồng, trong đó đầu tư chủ yếu vào máy móc thiết bị (mua mới, thuê tài chính và đầu tư tài sản cố định vô hình). Phần xây dựng nhà xưởng dự kiến đầu năm cũng được thực hiện trong năm 2020, tuy nhiên, phần đầu tư này vẫn đang được tiến hành và chưa đưa vào ghi nhận tài sản trong năm 2020.

Nhân sự



Do đặc thù của ngành cơ khí, lao động có trình độ sơ cấp và công nhân kỹ thuật, lao động trực tiếp và giới tính nam chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nhân sự. Công ty luôn hướng đến một môi trường vì người lao động, ngày càng tập trung vào khâu đào tạo, tuyển dụng nhằm hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng lao động, gia tăng bình đẳng giới của doanh nghiệp.

Trong thời kỳ khoa học công nghệ phát triển không ngừng, trình độ nghiệp vụ của cán bộ công nhân viên là một trong những thế mạnh đưa doanh nghiệp phát triển. Tuy nhiên, công tác đào tạo ở Amecc chưa theo kịp sự phát triển của doanh nghiệp.

Trong năm 2020, tổng cộng có 63 khóa đào tạo nội bộ và 7 khóa đào tạo ngoài trong công ty trong đó có 50 khóa là đào tạo sử dụng phần mềm và kỹ thuật chuyên ngành cho trung tâm tư vấn thiết kế và 13 khóa cho phòng hành chính nhân sự, phòng công nghệ, phòng quản lý chất lượng, phòng an toàn và quản lý máy và phòng tài chính kế toán. Trong khi đó, tại thời điểm hiện tại trung tâm tư vấn thiết kế vẫn còn sử dụng các đối tác bên ngoài để thực hiện một phần việc thiết kế và đội ngũ nhân viên của phòng chưa khai thác được mảng sản phẩm cơ bản đòi hỏi tốc độ cao cũng như chưa theo kịp tiến độ dự án.

Ngoài ra, xét về cơ cấu tổ chức doanh nghiệp, các phòng ban còn nhiều vị trí cần bổ sung. Doanh nghiệp hiện tại chưa xây dựng được đội ngũ cán bộ kế cận cho các vị trí chủ chốt. Các hệ thống quản lý và quy trình sản xuất kinh doanh của Amecc năm 2020 vẫn còn nhiều bất cập, cần phải được chỉnh lý trong năm 2021 để cải thiện bộ máy hoạt động sản xuất của toàn doanh nghiệp.



Thực trạng đầu tư kinh doanh tại Myanmar

Tính tới 31/12/2019, tổng mức đầu tư lũy kế vào Myanmar là 6.809.900 USD (khoảng 155.423.944.405 đồng). Trong năm 2020, do tình hình dịch bệnh Covid diễn ra, Công ty tạm ngừng việc đầu tư sang Myanmar nên lũy kế tổng mức đầu tư tại 31/12/2020 vẫn là 155.423.944.405 đồng.

Đối với Công ty liên doanh Amecc – Myanmar Shipyard, trong năm 2020 công ty phải tự hoạt động, tiếp tục hoàn thiện các phần đóng tàu nhỏ hoặc gia công cơ khí chế tạo, doanh thu nhỏ chỉ đạt gần 87.000 USD.

Theo dự kiến đầu năm 2020, phần góp vốn của Đông Á sẽ chuyển sang một nhà đầu tư mới ở phía Việt Nam (đã đàm phán thỏa thuận). Tuy nhiên, do Covid-19 diễn ra nên không sang Myanmar thực hiện các công tác

thay đổi nhà đầu tư được. Do chưa đổi được giấy phép đầu tư bên Myanmar nên Amecc chưa trình lên Chính phủ Việt Nam hoàn thiện giấy phép đầu tư.

Đối với công ty TNHH AMECC Myanmar, tổng vốn điều lệ của công ty trong năm 2020 không thay đổi. Tính tới 31/12/2020, doanh thu đạt được là 892.534 USD và mức lợi nhuận đạt được là 12.089 USD. Công ty vẫn trong trạng thái hoạt động bình thường trong suốt năm 2020.

Tuy nhiên, vào đầu năm 2021 liên quan đến chính biến quân sự bất khả kháng, liên doanh Amecc-Myanmar Shipyard và công ty TNHH Amecc Myanmar đều phải tạm thời dừng các hoạt động sản xuất kinh doanh. Hai bên làm việc trao đổi dựa trên hợp và báo cáo trực tuyến.



2. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2020

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019 (tỷ đồng)	Năm 2020 (tỷ đồng)	Tăng giảm (%)
1.	Giá trị sản lượng	2.342,0	3.352,0	43%
2.	Doanh thu	2.156,0	2.982,0	38%
3.	Lợi nhuận sau thuế	29,1	46,7	60 %
4.	Thuế TNDN phải nộp	7,5	12,6	68 %
5.	Tổng tài sản	2.024,0	2.383,0	18 %
6.	Vốn chủ sở hữu	407,0	454,0	15 %

Trong năm 2020, AMECC đã chứng kiến sự tăng trưởng vượt bậc về lợi nhuận sau thuế, lên đến 60% chỉ sau một năm và đạt mức doanh thu tăng 38% so với năm trước. Theo đó, thuế TNDN phải nộp cũng tăng 68% so với năm 2019, từ hơn 7,5 tỷ đồng lên hơn 12,6 tỷ đồng. Để phục vụ việc phát triển công tác sản xuất kinh doanh, tổng tài sản của công ty cũng đã tăng từ 18%, từ 2,024 tỷ đồng lên 2,383 tỷ đồng trong khi vốn chủ sở hữu cũng tăng 15% lên 454 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, công ty cũng đã thực hiện chia cổ tức 10% bằng cổ phiếu đúng như kế hoạch đã đề ra tại ĐHĐCĐ năm 2020 của AMECC.



3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	2019		2020		Tăng/giảm
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	
A. Tài sản ngắn hạn	1.581.476.623.880	78,12%	1.864.415.274.243	78,23%	17,89%
B. Tài sản dài hạn	442.999.494.383	21,88%	518.929.003.278	21,77%	17,14%
Tổng tài sản	2.024.476.118.263	100%	2.383.344.277.521	100%	17,73%

Năm 2020, cả tài sản dài hạn và ngắn hạn đều tăng hơn 17%. Do trong năm qua, doanh thu của Doanh nghiệp tăng mạnh, dẫn đến công nợ các khoản phải trả nhà cung cấp và phải thu khách hàng cũng tăng mạnh. Hàng tồn kho cũng tăng để đáp ứng tình hình sản xuất kinh doanh tăng trưởng mạnh mẽ của Công ty.

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	2019		2020		Tăng/giảm
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	
A. Nợ ngắn hạn	1.493.093.748.152	92,34%	1.808.533.869.968	93,75%	21,13%
B. Nợ dài hạn	123.841.434.385	7,66%	120.556.274.799	6,25%	-2,65%
Nợ phải trả	1.616.935.182.537	100%	1.929.090.144.767	100%	19,31%

Năm 2020, nợ ngắn hạn của công ty đã tăng 21,13%, chủ yếu là do các khoản mục Phải trả người bán ngắn hạn tăng mạnh từ 295 tỷ lên gần 478 tỷ và Phải trả ngắn hạn khác tăng từ 233 tỷ lên 444 tỷ đồng. Việc tăng các khoản nợ ngắn hạn nhằm phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh có doanh thu tăng ấn tượng trong năm của doanh nghiệp. Nợ dài hạn giảm nhẹ 2,65% do vay và nợ thuê tài chính dài hạn của Doanh nghiệp giảm từ 123 tỷ xuống 120 tỷ đồng.

4. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Trong thời kỳ khoa học công nghệ phát triển không ngừng, trình độ nghiệp vụ của cán bộ công nhân viên là một trong những thế mạnh đưa doanh nghiệp phát triển. Tuy nhiên, công tác đào tạo ở Amecc chưa theo kịp sự phát triển của doanh nghiệp.

Trong năm 2020, tổng cộng có 63 khóa đào tạo nội bộ và 7 khóa đào tạo ngoài công ty trong đó có 50 khóa là đào tạo sử dụng phần mềm và kỹ thuật chuyên ngành cho trung tâm tư vấn thiết kế và 13 khóa cho phòng hành chính nhân sự, phòng công nghệ, phòng quản lý chất lượng, phòng an toàn và quản lý máy và phòng tài chính kế toán. Trong khi đó, tại thời điểm hiện tại trung tâm tư vấn thiết kế vẫn còn sử dụng các đối tác bên ngoài để thực hiện một phần việc thiết kế và đội ngũ nhân viên của phòng chưa khai thác được mảng sản phẩm cơ bản đòi hỏi tốc độ cao cũng như chưa theo kịp tiến độ dự án.

Ngoài ra, xét về cơ cấu tổ chức doanh nghiệp, các phòng ban còn nhiều vị trí cần bổ sung. Doanh nghiệp hiện tại chưa xây dựng được đội ngũ cán bộ kế cận cho các vị trí chủ chốt. Các hệ thống quản lý và quy trình sản xuất kinh doanh của Amecc năm 2020 vẫn còn nhiều bất cập, cần phải được chỉnh lý trong năm 2021 để cải thiện bộ máy hoạt động sản xuất của toàn doanh nghiệp

5. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Trong năm 2021, kế hoạch của AMECC định hướng như sau:

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
	Doanh thu	Tỷ đồng	2.550
1	Gia công chế tạo	Tỷ đồng	1.600
1.1	Sản xuất tại xưởng	Tỷ đồng	654
1.2	Công trình tại công trường	Tỷ đồng	946
2	Thương mại	Tỷ đồng	950

Kế hoạch doanh thu gia công chế tạo 1,600 tỷ đồng đề cập ở trên là dựa trên cơ sở chuyển một phần doanh thu năm 2020 sang 2021 (651 tỷ đồng) và mục tiêu tìm kiếm thêm 950 tỷ đồng từ các dự án sẽ ký trong năm 2021.

Theo mục tiêu kế hoạch doanh thu, mức lợi nhuận trước thuế dự kiến năm 2021 sẽ là từ 75 tỷ đồng phụ thuộc vào việc cắt giảm chi phí vật liệu và chi phí lãi vay. Khi tiến hành báo giá các dự án, mức lợi nhuận tối thiểu yêu cầu là 5% đối với các dự án mới và 10% đối với các dự án đã có kinh nghiệm.

Sản lượng dự kiến trong năm 2021 sẽ là 2.850 tỷ đồng. Để đạt được mục tiêu này, doanh nghiệp đã xác định các định hướng như sau:

Đẩy mạnh phát triển doanh thu

- Chuẩn bị nguồn nhân lực để tham gia các dự án ở nước ngoài
- Thành lập tổ đấu thầu ngoài công trường để khai thác thêm mảng bảo dưỡng và sửa chữa cho các công trình nhà máy lớn
- Tiếp cận các dự án điện gió và năng lượng điện

Tiết kiệm chi phí để tăng lợi nhuận

- Mục tiêu trong năm 2021, Amecc sẽ đàm phán với các đối tác để xây dựng hệ thống đối tác lâu dài nhằm giảm 5% chi phí nguyên vật liệu so với năm 2020.

- Phát triển đầu tư và cải tạo công nghệ sản xuất để nâng cao năng suất sản xuất thông qua việc nghiên cứu áp dụng công nghệ mới, đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên trách

- Giảm chi phí tài chính thông qua các giải pháp như đàm phán giảm lãi suất

vay ngân hàng, yêu cầu các điều khoản thanh toán có lợi cho AMECC trong các hợp đồng kinh tế, điều chỉnh thời hạn vay theo tiến độ dự án, khai thác các công cụ tài chính và các dịch vụ tài chính đang có trên thị trường, hướng tới giảm chi lãi suất vay bình quân năm 2021 xuống còn 9% (năm 2020 đang thực hiện là 10,5%).

Đào tạo nhân sự

Nhằm thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021, AMECC dự kiến đầu tư chuyên sâu vào hệ thống nhân sự toàn công ty bao gồm:

- Chuẩn bị nguồn lực lao động chất lượng cao có đủ trình độ để tham gia các dự án trong nước và nước ngoài thông qua việc tuyển dụng lao động trình độ cao và đào tạo nội bộ

- Đầu tư phát triển phòng công nghệ để nghiên cứu các giải pháp công nghệ cao nhằm tăng năng suất lao động

- Xây dựng hệ thống ISO để chuẩn hóa các quy trình hoạt động trong doanh nghiệp nhằm hỗ trợ công tác quản lý đồng thời kiện toàn hệ thống KPI của doanh nghiệp.

Kiện toàn bộ máy quản lý theo mô hình quản trị ba nhân tố: Người đưa phương hướng – Người làm- Người kiểm tra giám sát, xây dựng hệ thống kế cận cho các vị trí chủ chốt trong doanh nghiệp

Tái cơ cấu tổ chức cho các công ty con do chính sách thuế của chính phủ thay đổi

Theo nghị định 132/2020/ND-CP ban hành ngày 5/11/2020 của Chính phủ, tổng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ của doanh nghiệp được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 30% của tổng lợi

nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ của người nộp thuế.

Hiện tại Amecc đang có giao dịch với các công ty con bao gồm:

- Công ty cổ phần thương mại Amecc Weisheng (50.83%)
- Công ty TNHH Amecc Myanmar (100%)
- Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Amecc Miền Nam (87%) tính trên vốn thực góp.

Để tối ưu hóa thuế phải nộp của doanh nghiệp, trong năm 2021, công ty sẽ yêu cầu tư vấn tái cấu trúc lại mô hình các công ty con và công ty liên kết.



Bổ sung vốn lưu động

'Doanh thu mục tiêu năm 2021 của công ty AMECC là 2.550 tỷ đồng với mức lợi nhuận mục tiêu là 10% cho các hợp đồng gia công chế tạo và 3% cho các hợp đồng thương mại. Do đó, dự kiến chi phí trong năm sẽ như sau:

Hoạt động kinh doanh	Mục tiêu doanh thu (tỷ đồng)	Chi phí dự kiến (tỷ đồng)
Tổng	2.550,0	2.361,5
Gia công chế tạo	1.600,0	1.440,0
Thương mại	950,0	921,5

Đối với các hợp đồng hiện tại AMECC đang ký, mức tạm ứng của khách hàng sẽ là 10% giá trị hợp đồng. Theo các thỏa thuận với ngân hàng đối tác, ngân hàng sẽ tạm ứng tới 70% giá trị hợp đồng trừ đi tạm ứng (tương đương tầm 60% giá trị hợp đồng). Theo đó, nhu cầu vốn tự có của doanh nghiệp sẽ là:

Hoạt động kinh doanh	Mục tiêu doanh thu	Chi phí dự kiến	Tổng tài trợ ngân hàng	Khách hàng tạm ứng	Nhu cầu vốn tự có cả năm
Tổng	2.550,0	2.361,5	1.530,0	255,0	576,5
Gia công chế tạo	1.600,0	1.440,0	960,0	160,0	320,0
Thương mại	950,0	921,5	570,0	95,0	256,5

Chu kỳ kinh doanh hiện tại của AMECC là khoảng 3 vòng 1 năm, ước tính là chu kỳ kinh doanh thương mại là 3.5 vòng và chu kỳ kinh doanh cho mảng gia công chế tạo là 2,5 vòng. Như vậy, nhu cầu vốn lưu động theo thời điểm của doanh nghiệp sẽ là:

Hoạt động kinh doanh	Mục tiêu doanh thu	Chi phí dự kiến	Chu kỳ kinh doanh (vòng)	Ngân hàng tài trợ	Nhu cầu vốn tự có
Tổng	2.550,0	2.361,5		546,8	201,3
Gia công chế tạo	1.600,0	1.440,0	2,5	384,0	128,0
Thương mại	950,0	921,5	3,5	162,8	73,3



D.

BÁO CÁO CỦA HĐQT

1. Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của công ty
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGD
3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT



1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 với các chỉ tiêu và nhiệm vụ sát thực tế. HĐQT Công ty đã chỉ đạo quyết liệt, cùng sự nỗ lực của Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên và sự ủng hộ của Quý cổ đông, năm 2020 Công ty đã vượt qua các khó khăn thách thức của nền kinh tế thị trường, hoàn thành tốt các chỉ tiêu về doanh thu đã đề ra, tiếp tục khẳng định uy tín của Bệnh viện và là tiền đề cho sự ổn định và phát triển cho năm 2021.

Dưới đây là một số các kết quả tự hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được năm 2020 của công ty mẹ:

STT	Nội dung	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	So sánh
	Doanh thu	1.700	2.464	144,94%
1	Gia công chế tạo	900	1.387	154,11%
1.1	Sản xuất tại xưởng	400	445	111,25%
1.2	Công trình tại công trường	500	942	188,40%
2.	Thương mại	800	1,077	0,13%

Trên báo cáo tài chính hợp nhất, doanh thu thuần của AMS đã tăng từ 2.156 tỷ đồng lên 2.982 tỷ đồng, tương ứng tăng 38%. Nhờ tối ưu chi phí mà lợi nhuận sau thuế của công ty tăng lên hơn 60% so với năm trước. So với kế hoạch của công ty mẹ, công ty mẹ đã đạt kế hoạch đề ra, thậm chí còn vượt gần 45%. Đây là một con số biết nói, khẳng định tiềm lực và khả năng bứt phá của công ty trong thời gian tới.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG BGD

Trong năm 2020, HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động điều hành, quản trị Công ty và triển khai các kế hoạch của Ban Tổng giám đốc. HĐQT đã chủ trì nhiều cuộc họp về triển khai các kế hoạch, dự án nhằm xây dựng và phát triển kế hoạch kinh doanh của Công ty, các cuộc họp liên quan đến bổ nhiệm nhân sự. Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 02 buổi họp ĐHĐCĐ và 06 buổi họp Hội đồng quản trị

Kết quả hoạt động của Ban Tổng giám đốc năm 2020

Ban Tổng giám đốc cùng các cán bộ quản lý là những người giàu nhiệt huyết cũng như kinh nghiệm điều hành hiệu quả trong quản trị Doanh nghiệp và định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm 2020, HĐQT đã đồng hành, giám sát mọi hoạt động của Ban Tổng giám đốc cũng như các cán bộ quản lý nhằm đảm bảo mọi hoạt động của Công ty đều được thực hiện một cách minh bạch, đúng pháp luật, Điều lệ công ty, phương hướng của ĐHĐCĐ và HĐQT đã đề ra.

Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý thực hiện báo cáo đầy đủ các hoạt động của Công ty, các dự án đầu tư, các giải trình liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, trước tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp trong nước và trên thế giới, Ban Tổng Giám đốc phối hợp cùng HĐQT đã có các chiến lược, biện pháp chủ động để thích nghi với tình hình thực tế.

Kết luận

Như vậy, Ban Tổng giám đốc đã cho thấy năng lực trong cả hoạt động quản lý và trong cả hoạt động sản xuất kinh doanh khi hoàn thành các nhiệm vụ được giao, tuân thủ đầy đủ và chấp hành các quy trình, quy định đề ra theo pháp luật, Điều lệ công ty và định hướng phát triển của Doanh nghiệp, đảm bảo được lợi ích của cổ đông, Doanh nghiệp và các cán bộ công nhân viên của Công ty

3. KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Định hướng trung và dài hạn

- Khắc phục các tồn tại và tiếp tục tái cơ cấu mô hình quản trị và quản lý cơ chế phân quyền, quyền lợi gắn với trách nhiệm để tăng hiệu quả quản lý, chuyên môn hóa, quản lý chuyên nghiệp, từng bước mở rộng quy mô trong nước và quốc tế
- Kiểm soát chặt chẽ quản lý chất lượng dịch vụ, chi phí và lợi nhuận để đưa ra các chiến lược nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, đưa ra các chiến lược để giải quyết các vấn đề vướng mắc cũng như những khó khăn gặp phải trước các biến động kinh tế.
- Tiếp tục giám sát và chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng giám đốc nhằm thực hiện hiệu quả các chiến lược cũng như kế hoạch kinh doanh đã đề ra trong năm 2020.
- Tiếp tục cùng Ban Tổng Giám đốc hoạch định các chiến lược, cơ hội để mở rộng quy mô công ty, kinh doanh phát triển bền vững.
- Đối với các vấn đề về nhân sự: Hoạch định các chính sách tối ưu nhất nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân sự của Công ty.

Chi tiêu kế hoạch năm sau của Công ty CP Cơ khí xây dựng AMECC

STT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch 2021
1	Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	2.850
2	Giá trị Doanh thu	Tỷ đồng	2.550
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	75
4	Thuế và các khoản phải nộp	Tỷ đồng	15
5	Tổng số lao động bình quân	Người	1.100
6	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	50
7	Chi trả cổ tức (%VĐL)	%	13-15%

Phương hướng thực hiện

- Đẩy mạnh phát triển doanh thu
- Tiết kiệm chi phí để tăng lợi nhuận
- Đào tạo nhân sự
- Tái cơ cấu tổ chức cho các công ty con do chính sách thuế của chính phủ thay đổi
- Bổ sung vốn lưu động.



E.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Giao dịch và thu lao của HĐQT, BKS và BGD
4. Tăng cường quản trị công ty



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2020, HĐQT đã thực hiện tốt các chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định khác của Pháp luật. HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động điều hành, quản lý công ty và triển khai các kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc.

HĐQT đã chủ trì nhiều cuộc họp thông qua: về việc triển khai các kế hoạch, chiến lược nhằm xây dựng và phát triển kế hoạch kinh doanh của Công ty; các vấn đề về tài chính, bán cổ phần vốn góp của Công ty tại Công ty cổ phần MECCA.

Trong năm vừa qua, HĐQT đã tổ chức 02 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và 05 cuộc họp HĐQT.

Thành viên HĐQT

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	4.510.000	12,31%
2	Ông Nguyễn Văn Thọ	TV HĐQT, Tổng giám đốc	4.603.969	12,57%
3	Ông Kikugawa Tetsuya	TV HĐQT	0	0
4	Ông Miyota Yukio	TV HĐQT	0	0
5	Ông Nguyễn Sơn	TV HĐQT	550.000	1,50%
6	Ông Trần Ngọc Dương	TV HĐQT	550.000	1,50%
7	Ông Đinh Ngọc Thăng	TV HĐQT	660.000	1,80%

Các cuộc họp HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	05	100%
2	Ông Nguyễn Văn Thọ	TV HĐQT, Tổng giám đốc	05	100%
3	Ông Kikugawa	TV HĐQT	05	100%
4	Ông Miyota Yukio	TV HĐQT	05	100%
5	Ông Nguyễn Sơn	TV HĐQT	05	100%
6	Ông Trần Ngọc Dương	TV HĐQT	05	100%
7	Ông Đinh Ngọc Thăng	TV HĐQT	05	100%

Đánh giá của HĐQT trong năm 2019

HĐQT đã triệu tập ĐHĐCĐ, dự thảo chương trình họp, thông báo và tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 theo đúng Điều lệ Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp. Căn cứ nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đầy đủ các nội dung mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đồng thời, theo sát tình hình biến động về kinh tế, giá cả thị trường, tổ chức nhiều phiên họp nhằm chỉ đạo Ban điều hành đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình biến động của nền kinh tế và giá cả vật tư, dịch vụ. HĐQT đều tổ chức họp thường kỳ theo các hình thức phù hợp để Giám đốc công ty báo

cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong năm và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tiếp theo. Hoạt động quản trị Công ty theo đúng Quy chế Quản trị Công ty, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và thường xuyên giám sát, đôn đốc, kiểm tra thực hiện nội dung đã được HĐQT thông qua tại các Nghị quyết ban hành hay các cuộc họp HĐQT. Các Nghị quyết được thông qua đều được Hội đồng quản trị giao cho Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện và báo cáo Hội đồng quản trị. Trong các trường hợp khác, các quyết định của Hội đồng quản trị được lập thành Nghị quyết và giao cho các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm liên quan thực hiện.

Các nghị quyết của HĐQT

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1.	01/2020/QĐ-HĐQT-AMECC	14/02/2020	Về việc bán cổ phần vốn góp của Công ty tại Công ty CP MECTA	100%
2.	02/2020/NQ-HĐQT-AMECC	17/03/2020	Xin gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020	100%
3.	03/2020/NQ-HĐQT-AMECC	18/05/2020	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020	100%
4.	04/2020/NQ-HĐQT-AMECC	31/07/2020	Miễn nhiệm và Bổ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần cơ khí xây dựng AMECC nhiệm kỳ 2018 - 2022	100%
5.	05/2020/NQ-HĐQT-AMECC	24/08/2020	Thông qua việc tổ chức	100%

2. BAN KIỂM SOÁT

Thành viên HĐQT

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Nguyễn Hữu Phong	Trưởng BKS	270.050	0,74%
2	Ông Fujiwara Norimasa	TV BKS	0	0
3	Ông Nguyễn Đức Thành	TV BKS	0	0

Đánh giá hoạt động của BKS năm 2020

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT Hội đồng quản trị đã chỉ đạo kịp thời, đưa ra các phương án và giám sát Ban Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc một cách cẩn trọng, tuân thủ đúng pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã tiến hành tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất phát sinh theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp nhằm triển khai công tác giám sát cũng như phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc trong quá trình chỉ đạo điều hành, trực tiếp tham gia tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong hoạt động kinh doanh. Trong năm 2019, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã nghiêm túc thực hiện các quy định chính sách Nhà nước ban hành cũng như triển khai các kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển. Hội đồng quản trị đã ban hành các nghị quyết ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty thực hiện triển khai các kế hoạch kinh doanh và các hồ sơ liên quan đến hoạt động của Công ty.

Hoạt động giám sát của BKS đối với Ban Giám đốc và Bộ máy quản lý

Ban Giám đốc và các bộ máy quản lý thực hiện đúng chức năng và thẩm quyền, tuân thủ các quy định của pháp luật, Ban điều hành đã chủ động đưa ra các phương án, chính sách kinh doanh và quyết liệt trong thực thi công việc, đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động của Công ty năm 2019. Ban Giám đốc đã xây dựng các chiến lược và chính sách linh hoạt đối với người lao động, cũng như bổ nhiệm và miễn nhiệm nhân sự theo đúng chức năng và nhiệm vụ được giao nhằm xây dựng cơ cấu tổ chức ổn định và vững mạnh.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2019 Ban Kiểm soát đã tham dự 04 cuộc họp của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động của Công ty, các kế hoạch HĐQT và Ban Giám đốc đề ra cũng như giám sát hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã cung cấp kịp thời các Nghị quyết HĐQT và tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát thu nhập các thông tin theo yêu cầu.

3. GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO CỦA HĐQT, BGD VÀ BKS

Thù lao của HĐQT và BKS

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao (VNĐ)
1.	Ông Nguyễn Văn Thọ	Chủ tịch HĐQT (Từ 01/01/2020 đến 01/08/2020)	70.000.000
2.	Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT (Từ ngày 01/08/2020 đến 31/12/2020)	47.700.000
3.	Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Thành viên HĐQT (Từ 01/01/2020 đến 01/08/2020)	44.100.000
4.	Ông Nguyễn Văn Thọ	Thành viên HĐQT (Từ ngày 01/08/2020 đến 31/12/2020)	52.000.000
5.	Ông Yukio Miyota	Thành viên HĐQT	-
6.	Ông Nguyễn Sơn	Thành viên HĐQT	75.600.000
7.	Ông Kikugawa Tetsuya	Thành viên HĐQT	-
8.	Ông Trần Ngọc Dương	Thành viên HĐQT	75.600.000
9.	Ông Đinh Ngọc Thắng	Thành viên HĐQT	75.600.000
10.	Ông Nguyễn Hữu Phong	Trưởng BKS	-
11.	Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên BKS	-
12.	Ông Fujiwara Norimasa	Thành viên BKS	-

Tiền lương và các khoản phụ cấp của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương và các khoản phụ cấp (VNĐ)
1.	Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT - Nguyên thành viên HĐQT	-
2.	Ông Nguyễn Văn Thọ	Thành viên HĐQT - Nguyên chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc	625.912.305
3.	Ông Yukio Miyota	Thành viên HĐQT	148.235.100
4.	Ông Nguyễn Sơn	Thành viên HĐQT	-
5.	Ông Kikugawa Tetsuya	Thành viên HĐQT	-
6.	Ông Trần Ngọc Dương	Thành viên HĐQT	-
7.	Ông Đinh Ngọc Thắng	Thành viên HĐQT	-
8.	Ông Nguyễn Hữu Phong	Trưởng BKS	357.290.958
9.	Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên BKS	-
10.	Ông Fujiwara Norimasa	Thành viên BKS	-
11.	Ông Nguyễn Đức Độ	Phó Tổng Giám đốc	-
12.	Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	473.097.136
13.	Ông Đỗ Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc	470.597.136
14.	Bà Nguyễn Thị Thọ Vân	Kế toán trưởng (Từ 03/12/2020 đến 31/12/2020)	-
15.	Bà Nguyễn Thị Hà	Nguyên Kế toán trưởng (Từ 01/01/2020 đến 03/12/2020)	288.067.174

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Văn Thọ	Thành viên HĐQT, TGD công ty	4.178.327	12,55%	4.603.969	12,57%	Mua, nhận cổ phiếu phát hành thêm
2	Trần Ngọc Sơn	Anh ruột ông Trần Ngọc Dương - thành viên HĐQT	500.000	1,50%	530.500	1,59%	Mua, nhận cổ phiếu phát hành thêm

Giao dịch, hợp đồng của công ty với người có liên quan:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (VNĐ)
1	Ông Trần Ngọc Dương	Thành viên HĐQT	12.000.000.000
2	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	75.515.156

4. TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tuân thủ quy định về quản trị công ty

Từ khi tham gia thị trường chứng khoán đến nay, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời như:

Tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ về Công bố thông tin

Định kỳ tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Xây dựng điều lệ, Quy chế quản trị bám sát theo Luật Doanh Nghiệp 2020 và Nghị định 116

Những việc trên một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý sự cố và những sai sót phát sinh. Qua đó giúp ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.



F.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Tiêu thụ điện năng
2. Tiêu thụ nước
3. Chính sách với người lao động



1. Tiêu thụ điện năng

Đơn vị: VNĐ

	2019	2020
Khối sản xuất	4.630.793.123	5.447.253.118
Khối văn phòng	496.803.561	432.123.268

2. Tiêu thụ nước

Đơn vị: VNĐ

	2019	2020
Khối sản xuất	85.158.440	148.247.798
Khối văn phòng	69.675.087	119.744.231

3. Chính sách với người lao động:

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tổng số lao động là: 850 người

Mức lương bình quân: 13,5tr/người/tháng.

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động
Ngoài các chế độ chính sách quy định của Nhà nước, Công ty xây dựng các nội quy, quy chế thực hiện tốt mọi chế độ cho người lao động, nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn cho người lao động như: Quy chế trả lương, thưởng, thăm hỏi ốm đau; Chế độ lao động độc hại, thời gian làm việc, cơ sở và điều kiện làm việc; công tác ATLĐ và vệ sinh công nghiệp... .

- Hoạt động đào tạo người lao động

Tăng cường hướng dẫn, đào tạo tại chỗ hoặc đào tạo ngắn hạn đội ngũ quản lý, kỹ sư kỹ thuật, các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ; công nhân lành nghề đáp ứng các yêu cầu sản xuất hiện tại cũng như định hướng chiến lược trong những năm tiếp theo. Tạo điều kiện cho CBCNV đi thăm quan các cơ sở trong và ngoài nước về mô hình SXKD; đào tạo ngắn hạn cho các kỹ sư về quản lý dự án, tiếp cận công nghệ cao, áp dụng các phần mềm trong quá trình SXKD của công ty. Nhằm thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021, AMECC dự kiến đầu tư chuyên sâu vào hệ thống nhân sự toàn công ty bao gồm:

Chuẩn bị nguồn lực lao động chất lượng cao có đủ trình độ để tham gia các dự án trong nước và nước ngoài thông qua việc tuyển dụng lao động trình độ cao và đào tạo nội bộ

Đầu tư phát triển phòng công nghệ để nghiên cứu các giải pháp công nghệ cao nhằm tăng năng suất lao động

Xây dựng hệ thống ISO để chuẩn hóa các quy trình hoạt động trong doanh nghiệp nhằm hỗ trợ công tác quản lý đồng thời kiện toàn hệ thống KPI của doanh nghiệp.

Kiến toàn bộ máy quản lý theo mô hình quản trị ba nhân tố: Người đưa phương hướng – Người làm- Người kiểm tra giám sát, xây dựng hệ thống kế cận cho các vị trí chủ chốt trong doanh nghiệp.



XÁC NHẬN CỦA
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY



G.
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC
KIỂM TOÁN NĂM 2020**



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2020

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN



NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần cơ khí xây dựng Amecc (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty cổ phần cơ khí xây dựng Amecc được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0200786983 ngày 01/02/2008 và thay đổi lần thứ 19 ngày 27/02/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Km 35, Quốc lộ 10, Xã Quốc Tuấn, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 05 đến trang 26.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Nguyễn Văn Thọ	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01/8/2020
Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/8/2020
Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/8/2020
Ông Nguyễn Văn Thọ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/8/2020
Ông Yukio Miyota	Thành viên	
Ông Nguyễn Sơn	Thành viên	
Ông Kikugawa Tetsuya	Thành viên	
Ông Trần Ngọc Dương	Thành viên	
Ông Đinh Ngọc Thắng	Thành viên	

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Nguyễn Văn Thọ	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đức Độ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Thọ Vân	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 03/12/2020
Bà Nguyễn Thị Hà	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 03/12/2020

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Ông Nguyễn Hữu Phong	Trưởng ban
Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên
Ông Fujiwara Norimasa	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Amecc phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty

Hải Phòng, ngày tháng năm 2021

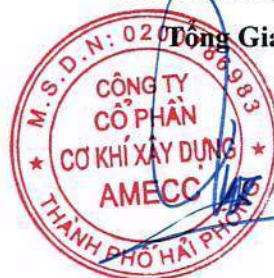
TM Hội đồng quản trị
Chủ tịch hội đồng quản trị



NGUYỄN VĂN NGHĨA

Hải Phòng, ngày 29 tháng 03 năm 2021

TM Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN THỌ



Số: 326 /BCKT/TC

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Địa chỉ: Số 3, Biệt thự 2, KĐT Pháp Vân, Hoàng Liệt,
Hoàng Mai, Hà Nội.
Tell: (+84 24) 3 7670720 * (+84 24) 3 7670721

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần cơ khí xây dựng Amecc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần cơ khí xây dựng Amecc (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29/03/2021, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thông tin được trình bày tại thuyết minh số V - thuyết minh Báo cáo tài chính. Công ty điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Chi tiết được trình bày tại thuyết minh số V.



BÙI QUANG HỢP

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 1796-2019-126-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

ĐỖ THỊ NGỌC

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNKT số 3409-2020-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			Trình bày lại	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.708.462.410.793	1.239.326.121.425
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.01	218.775.263.128	39.093.304.506
1. Tiền	111		80.907.799.373	39.093.304.506
2. Các khoản tương đương tiền	112		137.867.463.755	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.02	39.301.860.889	105.206.173.098
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		39.301.860.889	105.206.173.098
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		539.158.292.318	365.565.137.845
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.03	437.170.509.098	240.117.455.521
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VI.04	49.528.381.362	89.167.497.923
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.05	71.686.606.648	51.888.253.175
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	VI.06	(19.473.749.919)	(15.608.068.774)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		246.545.129	-
IV. Hàng tồn kho	140	VI.07	884.985.391.124	706.681.125.766
1. Hàng tồn kho	141		884.985.391.124	706.681.125.766
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		26.241.603.334	22.780.380.210
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13	281.771.225	478.300.137
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		25.908.725.108	22.302.080.073
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	VI.16	51.107.001	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		552.617.240.685	476.968.272.581
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.030.199.680	1.804.028.161
1. Phải thu dài hạn khác	216	VI.05	3.030.199.680	1.804.028.161
II. Tài sản cố định	220		279.574.988.840	243.263.904.457
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.08	170.510.361.276	174.805.793.708
- Nguyên giá	222		324.229.724.337	303.640.884.537
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(153.719.363.061)	(128.835.090.829)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	VI.09	73.246.527.127	33.177.978.879
- Nguyên giá	225		90.789.637.211	42.435.802.081
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(17.543.110.084)	(9.257.823.202)
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	35.818.100.437	35.280.131.870
- Nguyên giá	228		47.327.076.397	45.714.576.397
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(11.508.975.960)	(10.434.444.527)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	VI.11	46.104.968.117	13.179.233.525
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		46.104.968.117	13.179.233.525
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.12	208.011.544.797	206.218.694.405
1. Đầu tư vào công ty con	251		38.074.750.000	38.074.750.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	6.920.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		162.543.944.405	160.823.944.405
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		7.392.850.392	400.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		15.895.539.251	12.502.412.033
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13	4.188.544.187	5.339.333.759
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		11.706.995.064	7.163.078.274
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.261.079.651.478	1.716.294.394.006

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	Đơn vị tính: đồng
				01/01/2020 Trình bày lại
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.832.731.448.005	1.330.672.430.589
I. Nợ ngắn hạn	310		1.712.175.173.206	1.206.830.996.204
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.14	448.616.857.503	284.543.659.367
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	VI.15	162.041.240.539	305.391.115.803
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.16	24.163.254.042	21.928.348.784
4. Phải trả người lao động	314		5.284.034.316	19.595.719.920
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.17	18.312.951.081	3.364.968.729
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		3.047.281.260	3.047.281.260
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.18	390.058.456.008	24.451.476.152
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.19	658.720.262.360	543.103.413.122
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.930.836.097	1.405.013.067
II. Nợ dài hạn	330		120.556.274.799	123.841.434.385
1. Phải trả dài hạn khác	337	VI.18	60.500.000	60.500.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.19	120.495.774.799	123.780.934.385
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		428.348.203.473	385.621.963.417
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.20	428.348.203.473	385.621.963.417
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		366.298.650.000	333.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		366.298.650.000	333.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.025.000.000)	(2.948.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.601.753.236	7.626.556.469
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421		54.472.800.237	47.943.406.948
- Lợi nhuận chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.777.001.151	18.191.439.279
- Lợi nhuận chưa PP kỳ này	421b		43.695.799.086	29.751.967.669
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.261.079.651.478	1.716.294.394.006

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Người lập biểu



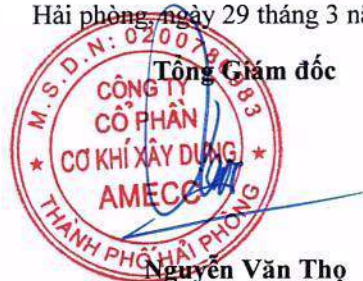
Vũ Thị Phương Hảo

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thọ Vân

Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2021



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Thọ

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Đơn vị tính: đồng
				Năm trước Trình bày lại
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	2.464.473.681.391	1.418.253.820.789
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.464.473.681.391	1.418.253.820.789
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	2.295.056.281.887	1.286.884.315.034
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		169.417.399.504	131.369.505.755
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	6.589.690.913	3.196.821.117
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	78.429.972.460	54.681.262.423
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		76.719.770.927	53.047.766.081
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.5	40.675.534.188	42.805.520.116
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		56.901.583.769	37.079.544.333
11. Thu nhập khác	31	VII.6	2.891.240.431	430.749.251
12. Chi phí khác	32	VII.7	4.075.338.099	136.774.951
13. Lợi nhuận khác	40		(1.184.097.668)	293.974.300
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		55.717.486.101	37.373.518.633
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.8	16.565.603.805	10.707.497.469
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(4.543.916.790)	(3.085.946.505)
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		43.695.799.086	29.751.967.669

Hải phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Vũ Thị Phương Hảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thọ Vân



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Thọ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính: đồng	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	20	101.148.707.894	(63.631.999.686)
1. Lợi nhuận trước thuế	01	55.717.486.101	37.373.518.633
2. Điều chỉnh cho các khoản		109.201.911.623	77.322.141.547
+ Khấu hao tài sản cố định	02	34.244.090.547	28.368.716.707
+ Các khoản dự phòng	03	3.865.681.145	-
+ (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(426.840.417)	8.115.293
+ (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư, hoạt động khác	05	(5.200.790.579)	(3.347.772.115)
+ Chi phí lãi vay	06	76.719.770.927	53.047.766.081
+ Các khoản điều chỉnh khác	07	-	(754.684.419)
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	164.919.397.724	114.695.660.180
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(182.347.489.458)	(61.843.469.169)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(178.304.265.358)	(296.737.399.863)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	366.377.926.612	241.822.385.013
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1.347.318.484	(4.533.578.371)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(63.755.893.146)	(53.047.766.081)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.721.550.964)	(3.937.831.395)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(366.736.000)	(50.000.000)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	2.001.306.878	(146.111.897.782)
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(67.310.945.518)	(39.997.540.842)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	1.130.740.800
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(22.377.100.616)	(135.834.573.315)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	81.288.562.433	75.715.524.260
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(50.082.085.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.200.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.200.790.579	2.956.036.315
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40	76.571.051.616	210.408.068.754
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	33.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.510.599.958.148	1.095.200.699.801
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.421.170.794.220)	(895.937.006.423)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(12.796.759.812)	(6.831.462.624)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(61.352.500)	(15.024.162.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	179.721.066.388	664.171.286
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	39.093.304.506	38.431.299.499
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(39.107.766)	(2.166.279)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	218.775.263.128	39.093.304.506

Người lập biểu



Vũ Thị Phương Hảo

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thọ Vân

Hải Phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2021



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần cơ khí xây dựng Amecc được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0200786983 ngày 01/02/2008 và thay đổi lần thứ 19 ngày 27/02/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Km 35, Quốc lộ 10, Xã Quốc Tuấn, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng.

Số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là 821 lao động

2. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn, thiết kế nhiệt cho các dự án công nghiệp và dân dụng; Thiết kế thông gió, điều hoà không khí, cấp nhiệt cho các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kỹ thuật các công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình đường bộ; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, gang;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt thang máy, cầu thang tự động; Lắp đặt các loại cửa tự động; Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống âm thanh, hệ thống hút bụi;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét luồng lạch; Sửa chữa công trình xây dựng;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Đóng tàu và cầu kiện nổi;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;

3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có 03 Công ty con cụ thể như sau:

Các Công ty con

- Công ty cổ phần Thương mại Amecc Wei sheng.
- Công ty TNHH Amecc Myanmar.
- Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Amecc Miền Nam.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp và các văn bản pháp lý khác theo qui định của nhà nước.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các Đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các Đơn vị trực thuộc. Doanh thu, chi phí và số dư công nợ giữa các Đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là các Công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập trên cơ sở đánh giá của Ban giám đốc cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân theo quý. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và các văn bản pháp lý sửa đổi, bổ sung khác theo qui định của nhà nước.

Nguyên tắc kế toán TSCĐ thuê tài chính

Hợp đồng thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho Công ty. Tài sản cố định thuê tài chính được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản và giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao như tài sản cố định của Công ty. Đối với tài sản cố định thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các khoản công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa Công ty là đơn vị cấp trên và các xí nghiệp, chi nhánh là đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra theo đúng nguyên tắc thận trọng. Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán. Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Các khoản vay được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ.

Khi lập BCTC số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức lợi nhuận được chia, các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, thông báo chi trả cổ tức, khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: Lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính.

V. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỔ MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỦA BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2019

Căn cứ theo hướng dẫn tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ về việc quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Công ty điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu liên quan đến chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung, cụ thể như sau :

Khoản mục	Mã số	Số đã trình bày	Điều chỉnh hồi tố (*)	Trình bày lại
Bảng cân đối kế toán				
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	7.163.078.274	7.163.078.274
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	14.765.270.510	7.163.078.274	21.928.348.784
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	7.621.550.964	3.085.946.505	10.707.497.469
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	(3.085.946.505)	(3.085.946.505)

(*) Loại chi phí lãi vay theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của các năm 2017, 2018, 2019 số tiền là 35.815.391.373 đồng tương ứng thuế TNDN nộp bổ sung và Tài sản thuế thu nhập hoãn lại tăng lên là 7.163.078.274 đồng. Trong đó, lãi vay bị loại năm 2019 là 15.429.732.524 đồng tương ứng thuế TNDN phải nộp bổ sung và tài sản thuế thu nhập hoãn lại tăng lên tương ứng là 3.085.946.505 đồng

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Đơn vị tính: đồng	
	31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt	5.518.089.671	1.962.787.262
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	75.389.709.702	37.130.517.244
Các khoản tương đương tiền	137.867.463.755	-
Cộng	218.775.263.128	39.093.304.506

2. Các khoản đầu tư tài chính	Đơn vị tính: đồng			
	31/12/2020		01/01/2020	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	39.301.860.889	39.301.860.889	105.206.173.098	105.206.173.098
Cộng	39.301.860.889	39.301.860.889	105.206.173.098	105.206.173.098

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước, được hưởng lãi suất từ 4,5% đến 7% một năm. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, toàn bộ các khoản tiền gửi có kỳ hạn nêu trên đã được dùng làm tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng.

3. Phải thu khách hàng	Đơn vị tính: đồng	
	31/12/2020	01/01/2020
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	409.873.744.852	235.942.794.305
- Powerchina Nuclear engineering company	18.785.543.416	14.257.230.050
- Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN)	26.895.641.447	36.207.837.608
- Công ty Cổ phần Quốc tế True-Biour	37.032.558.796	-
- Samsung Engineering Co., LTD	64.728.457.019	-
- Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	262.431.544.174	185.477.726.647
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	27.296.764.246	4.174.661.216
- Công ty CP Xây dựng kỹ thuật Công nghệ Xanh	14.273.964.829	-
- Công ty CP thép Châu Phong - Animex	11.743.165.373	-
- Công ty CP Thương mại Amecc Wei Sheng	1.279.634.044	4.174.661.216
Cộng	437.170.509.098	240.117.455.521

4. Trả trước cho người bán		31/12/2020	01/01/2020
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn		49.436.886.294	81.547.488.150
- Công ty CP Xây lắp điện 1		-	14.355.320.822
- Công ty CP XD & ĐT Phát triển Bạch Đằng 12		11.874.260.299	15.428.555.545
- Công ty CP Công nghiệp & Phát triển Hoàng Mai		6.229.289.449	6.228.014.824
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác		31.333.336.546	45.535.596.959
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan		91.495.068	7.620.009.773
- Công ty CP Thép Châu phong - Animex		91.495.068	-
- Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật AMECC miền Nam		-	7.620.009.773
Cộng		49.528.381.362	89.167.497.923
5. Phải thu khác		31/12/2020	01/01/2020
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị
			Dự phòng
a) Ngắn hạn	71.686.606.648	-	51.888.253.175
- Phải thu khác	5.541.735.526	-	12.720.497.625
- Tạm ứng	23.726.544.555	-	32.083.447.662
- Phải thu kinh phí công đoàn	162.661.397	-	-
- Ký quỹ, ký cược	42.255.665.170	-	7.084.307.888
b) Dài hạn	3.030.199.680	-	1.804.028.161
- Ký quỹ, ký cược	3.030.199.680	-	1.804.028.161
Cộng		74.716.806.328	53.692.281.336
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		31/12/2020	01/01/2020
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc
			Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán			
- Phải thu khách hàng	19.473.749.919	-	15.608.068.774
Cộng		19.473.749.919	15.608.068.774
7. Hàng tồn kho		31/12/2020	01/01/2020
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc
			Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	466.975.006.978	-	202.082.396.200
Công cụ, dụng cụ	37.052.037.866	-	37.005.694.956
Chi phí SX kinh doanh dở dang	379.977.719.272	-	467.481.958.239
Hàng hóa	980.627.008	-	111.076.371
Cộng		884.985.391.124	706.681.125.766

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu kỳ	126.440.890.604	148.833.057.086	26.635.341.858	1.427.116.967	304.478.022	303.640.884.537
Số tăng trong kỳ	-	25.714.299.800	-	-	145.000.000	25.859.299.800
- <i>Mua trong kỳ</i>		25.714.299.800			145.000.000	25.859.299.800
Số giảm trong kỳ	-	5.270.460.000	-	-	-	5.270.460.000
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	5.270.460.000	-	-	-	5.270.460.000
Số dư cuối kỳ	126.440.890.604	169.276.896.886	26.635.341.858	1.427.116.967	449.478.022	324.229.724.337
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	40.436.195.056	70.905.676.740	16.392.040.179	992.074.211	109.104.643	128.835.090.829
Số tăng trong kỳ	6.515.406.507	15.621.702.486	2.569.058.327	165.925.788	12.179.124	24.884.272.232
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	6.515.406.507	15.621.702.486	2.569.058.327	165.925.788	12.179.124	24.884.272.232
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	46.951.601.563	86.527.379.226	18.961.098.506	1.157.999.999	121.283.767	153.719.363.061
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	86.004.695.548	77.927.380.346	10.243.301.679	435.042.756	195.373.379	174.805.793.708
Tại ngày cuối kỳ	79.489.289.041	82.749.517.660	7.674.243.352	269.116.968	328.194.255	170.510.361.276

- *Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay:* 126.742.714.215 đồng
 - *Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:* 50.481.782.595 đồng

9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Cộng
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu kỳ	42.435.802.081	42.435.802.081
Số tăng trong kỳ	48.353.835.130	48.353.835.130
- <i>Thuê tài chính</i>	48.353.835.130	48.353.835.130
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	90.789.637.211	90.789.637.211
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	9.257.823.202	9.257.823.202
Số tăng trong kỳ	8.285.286.882	8.285.286.882
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	8.285.286.882	8.285.286.882
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	17.543.110.084	17.543.110.084
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	33.177.978.879	33.177.978.879
Tại ngày cuối kỳ	73.246.527.127	73.246.527.127

- *Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ thuê tài chính đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay:* 73.246.527.127 đồng

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Chi phí giải phóng mặt bằng	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	44.042.972.877	1.671.603.520	45.714.576.397
Số tăng trong kỳ	-	1.612.500.000	1.612.500.000
- Mua trong năm	-	1.612.500.000	1.612.500.000
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	44.042.972.877	3.284.103.520	47.327.076.397
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	10.110.906.060	323.538.467	10.434.444.527
Số tăng trong kỳ	960.652.584	113.878.849	1.074.531.433
- Khấu hao trong kỳ	960.652.584	113.878.849	1.074.531.433
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	11.071.558.644	437.417.316	11.508.975.960
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	33.932.066.817	1.348.065.053	35.280.131.870
Tại ngày cuối kỳ	32.971.414.233	2.846.686.204	35.818.100.437

11. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
a) Mua sắm TSCĐ	-	-
b) Xây dựng cơ bản dở dang	46.104.968.117	13.179.233.525
- Các hạng mục công trình khác	46.104.968.117	13.179.233.525
Cộng	46.104.968.117	13.179.233.525

12. Đầu tư tài chính dài hạn

	Giá gốc	31/12/2020 Dự phòng	Giá gốc	01/01/2020 Dự phòng
a) Đầu tư vào Công ty con	38.074.750.000	-	38.074.750.000	-
- Công ty CP Thương mại Amecc Wei sheng	21.349.480.000	-	21.349.480.000	-
- Công ty TNHH Amecc Myanmar	11.625.270.000	-	11.625.270.000	-
- Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Amecc Miền Nam	5.100.000.000	-	5.100.000.000	-
b) Đầu tư vào Công ty liên kết	-	-	6.920.000.000	-
- Công ty CP Mạ kẽm Amecc (***)	-	-	6.920.000.000	-
c) Đầu tư vào đơn vị khác	162.543.944.405	-	160.823.944.405	-
- Công ty CP Mecta	-	-	5.200.000.000	-
- Công ty CP Lisemco 3	100.000.000	-	100.000.000	-
- Công ty CP Lisemco 5	100.000.000	-	100.000.000	-
- Công ty CP Mạ kẽm Amecc (***)	6.920.000.000	-	-	-
- Công ty liên doanh Amecc - Myanma Shipyards (*)	155.423.944.405	-	155.423.944.405	-

d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.392.850.392	-	400.000.000	-
- Trái phiếu (**)	400.000.000	-	400.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	6.992.850.392	-	-	-
Cộng	208.011.544.797	-	206.218.694.405	-

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

(*) Khoản góp vốn đầu tư ghi nhận theo xác nhận vốn đầu tư của công ty liên doanh Amecc - Myanmar Shipyards. Tính đến thời điểm 31/12/2020, số vốn đã thực tế góp là 6.809.900 USD tương đương với 155.423.944.405 đồng trên tổng số vốn phải góp theo dự kiến là 26.310.000 USD tương ứng với tỷ lệ vốn phải góp là 15%. Thời hạn góp vốn đến 22/6/2021.

(**) Đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với kỳ hạn 10 năm.

(***) Công ty cổ phần mã kẽm Amecc tăng vốn, khoản đầu tư vào công ty này chuyển từ đầu tư vào công ty liên kết sang đầu tư dài hạn vào đơn vị khác

Danh sách các Công ty con:

Tên Công ty	Mối quan hệ	Vốn điều lệ		Vốn góp theo mệnh giá		Tỷ lệ vốn thực góp
		USD	VNĐ	USD	VNĐ	
Công ty CP Thương mại Amecc Wei sheng	Công ty con		41.999.000.000		21.349.480.000	50,83%
Công ty TNHH Amecc Myanmar	Công ty con	500.000	11.365.000.000	500.000	11.625.270.000	100,00%
Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Amecc Miền	Công ty con		5.840.000.000		5.100.000.000	87,00%

13. Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
a) Ngắn hạn	281.771.225	478.300.137
- Công cụ dụng cụ	281.771.225	478.300.137
b) Dài hạn	4.188.544.187	5.339.333.759
- Công cụ dụng cụ	4.188.544.187	5.339.333.759
Cộng	4.470.315.412	5.817.633.896

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
a) Phải trả người bán ngắn hạn	400.916.319.912	246.919.550.797
- Công ty TNHH Marubeni Itochu steel Việt Nam	36.063.298.420	44.791.027.354
- Công ty CP Xây lắp điện 1	108.132.656.568	-
- Công ty cổ phần thép Miền Bắc	3.302.687.450	33.961.886.970
- Công ty CP chế tạo giàn khoan dầu khí	52.954.354.062	6.637.421.465
- Phải trả người bán khác	200.463.323.412	161.529.215.008
b) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan	47.700.537.591	37.624.108.570
- Công ty TNHH Amecc Myanmar	14.581.352.645	13.787.534.325
- Công ty CP Thương mại Amecc Wei Sheng	13.991.935.730	23.836.574.245
- Công ty CP Xây dựng kỹ thuật Công nghệ Xanh	3.373.001.907	-
- Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng năng lượng GT	3.602.404.380	-
- Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật AMECC miền Nam	12.151.842.929	-
Cộng	448.616.857.503	284.543.659.367

15. Người mua trả tiền trước	31/12/2020	01/01/2020
<i>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	162.041.240.539	305.391.115.803
- Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Máy Bay	75.065.907.540	91.465.907.540
- BHI Co., Ltd	25.882.313.376	40.136.354.093
- BQL dự án nhiệt điện 3 - Chi nhánh tập đoàn điện lực Việt Nam	-	33.759.076.725
- Samsung Engineering Co., LTD	-	34.527.770.600
- Công ty Cổ Phần Chế tạo bom Hải Dương	20.000.000.000	-
- Các khách hàng khác	41.093.019.623	105.502.006.845
Cộng	162.041.240.539	305.391.115.803

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020	Số phải nộp	Số đã thực	31/12/2020
	Trình bày lại	trong kỳ	nộp trong kỳ	
<i>Phải nộp nhà nước</i>				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	6.627.370.976	6.627.370.976	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	593.731.624	593.731.624	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.884.629.239	16.565.603.805	6.721.550.964	23.728.682.080
Thuế thu nhập cá nhân	715.719.601	2.798.818.143	3.082.065.782	432.471.962
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.873.923.502	3.408.619.702	5.282.543.204	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.454.076.442	714.863.218	6.166.839.660	2.100.000
Cộng	21.928.348.784	30.709.007.468	28.474.102.210	24.163.254.042
<i>b) Phải thu của nhà nước</i>				
Thuế nhà đất tiền thuê đất	-	-	51.107.001	51.107.001
Cộng	-	-	51.107.001	51.107.001

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2020	01/01/2020
Các khoản trích trước chi phí thi công	18.312.951.081	3.364.968.729
Cộng	18.312.951.081	3.364.968.729
18. Phải trả khác	31/12/2020	01/01/2020
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Kinh phí công đoàn	-	702.967.119
Bảo hiểm xã hội	12.254.359.579	9.910.861.951
Bảo hiểm y tế	1.490.504.348	501.411.416
Bảo hiểm thất nghiệp	652.776.038	219.235.127
Các khoản phải trả, phải nộp khác	375.660.816.043	13.117.000.539
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	2.257.830.076	2.319.182.576
+ <i>Ngân hàng HDBank - CN Hải Phòng (*)</i> □	350.894.067.788	-
+ <i>Nguyễn Văn Nghĩa</i>	14.794.488.860	1.727.277.746
+ <i>Phải trả khác</i>	7.714.429.319	9.070.540.217
Cộng	390.058.456.008	24.451.476.152
<i>b) Dài hạn</i>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	60.500.000	60.500.000
Cộng	60.500.000	60.500.000

(*) Bao gồm các khoản thư tín dụng trả chậm có giá trị thanh toán trả ngay (UPAS L/C) tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Hải Phòng, thời hạn dưới 12 tháng với lãi suất từ 4,2% - 7,5%/năm. Các khoản thư tín dụng trả chậm có giá trị thanh toán trả ngay (UPAS L/C) được thế chấp bằng Hợp đồng tiền gửi, tiền ký quỹ và phong tỏa tiền tại HDBank, giá trị lần lượt là 102.820.600.000 đồng và 27.645.200.000 đồng và 25.869.319.633 đồng

19. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2020		Trong kỳ		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	658.720.262.360	658.720.262.360	1.537.837.105.095	1.422.220.255.857	543.103.413.122	543.103.413.122
- Vay ngắn hạn (1)	623.324.486.038	623.324.486.038	1.502.441.328.773	1.392.158.174.463	513.041.331.728	513.041.331.728
- Vay dài hạn đến hạn trả (2)	24.170.887.474	24.170.887.474	24.170.887.474	22.667.939.864	22.667.939.864	22.667.939.864
- Nợ thuê tài chính đến hạn trả (3)	11.224.888.848	11.224.888.848	11.224.888.848	7.394.141.530	7.394.141.530	7.394.141.530
b) Dài hạn	120.495.774.799	120.495.774.799	85.628.593.379	88.913.752.965	123.780.934.385	123.780.934.385
- Vay dài hạn	96.263.762.251	96.263.762.251	49.458.629.375	72.286.245.835	119.091.378.711	119.091.378.711
- Nợ thuê tài chính dài hạn (3)	24.232.012.548	24.232.012.548	36.169.964.004	16.627.507.130	4.689.555.674	4.689.555.674

c) Các khoản nợ thuê tài chính

Thời hạn	Tổng khoản thanh toán tiền	Trả tiền lãi thuê	Kỳ này Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền	Trả tiền lãi thuê	Kỳ trước Trả nợ gốc
- Từ 1 năm trở xuống	14.162.120.295	2.937.231.447	11.224.888.848	8.205.539.170	811.397.640	7.394.141.530
- Trên 1 năm đến 5 năm	27.274.927.753	3.042.915.205	24.232.012.548	5.228.506.593	538.950.919	4.689.555.674

(1) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	31/12/2020	01/01/2020
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hải Phòng	64.689.563.573	98.169.285.544
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồ Sơn	99.622.419.862	52.922.057.294
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố HCM - CN Hải Phòng	265.937.549.316	199.183.109.429
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Nam Hải Phòng	78.831.985.589	68.495.425.914
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở	34.917.604.180	28.416.294.957
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nam Hải Phòng	75.177.590.063	47.755.158.590
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hải Phòng	4.047.773.455	-
- Ông Nguyễn Văn Nghĩa	-	18.000.000.000
- Các đối tượng khác	100.000.000	100.000.000
Total	623.324.486.038	513.041.331.728

Khoản vay ngắn hạn của các ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng hạn mức, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C. Tài sản thế chấp được quy định cụ thể tại các hợp đồng tín dụng hạn mức. Thời hạn vay và lãi suất được quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ.

	31/12/2020	01/01/2020
(2) Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:		
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hải Phòng	672.395.800	2.524.688.400
- Ngân hàng TMCP Phát triển Tp HCM - CN Hải Phòng	27.010.668.085	43.810.668.085
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Nam Hải Phòng	12.645.045.840	8.744.142.090
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở	3.306.540.000	4.679.820.000
- Nguyễn Văn Nghĩa	76.800.000.000	70.000.000.000
- Trần Ngọc Dương	-	12.000.000.000
Cộng	120.434.649.725	141.759.318.575
Trong đó: - Số phải trả trong vòng 12 tháng	24.170.887.474	22.667.939.864
- Số phải trả sau 12 tháng	96.263.762.251	119.091.378.711
(3) Chi tiết các khoản nợ thuê tài chính như sau:		
- Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Chailease	27.906.967.846	12.083.697.204
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	7.549.933.550	-
Cộng	35.456.901.396	12.083.697.204
Trong đó: - Số phải trả trong vòng 12 tháng	11.224.888.848	7.394.141.530
- Số phải trả sau 12 tháng	24.232.012.548	4.689.555.674

Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn tại ngày 31/12/2020 thể hiện khoản vay từ Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Chailease và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Mục đích vay để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh. Lãi suất và thời hạn vay theo từng hợp đồng cụ thể.

20. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	LNST chưa PP và các quỹ	Cộng
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000	(2.948.000.000)	42.341.582.413	339.393.582.413
Tăng vốn năm trước	33.000.000.000	-	32.314.975.154	65.314.975.154
- Lãi trong năm trước	-	-	29.751.967.669	29.751.967.669
- Phân phối lợi nhuận	-	-	2.563.007.485	2.563.007.485
Giảm vốn năm trước	-	-	19.086.594.150	19.086.594.150
- Phân phối lợi nhuận	-	-	18.331.909.731	18.331.909.731
- Giảm khác	-	-	754.684.419	754.684.419
Số dư cuối năm trước	333.000.000.000	(2.948.000.000)	55.569.963.417	385.621.963.417
Tăng vốn trong kỳ	33.298.650.000	-	46.670.995.853	79.969.645.853
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	33.298.650.000	-	-	33.298.650.000
- Lãi trong năm	-	-	43.695.799.086	43.695.799.086
- Tăng quỹ do phân phối lợi nhuận	-	-	2.975.196.767	2.975.196.767
Giảm vốn trong kỳ	-	77.000.000	37.166.405.797	37.243.405.797
- Phân phối lợi nhuận (1)	-	-	37.166.405.797	37.166.405.797
- Chi phí phát hành tăng vốn	-	77.000.000	-	77.000.000
Số dư cuối kỳ	366.298.650.000	(3.025.000.000)	65.074.553.473	428.348.203.473

(1) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 ngày 27/6/2020 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển	2.975.196.767	đồng
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	892.559.030	đồng
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	33.298.650.000	đồng
Cộng	37.166.405.797	đồng

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2020	01/01/2020
- Nguyễn Văn Thọ	46.039.690.000	41.783.270.000
- Nguyễn Văn Nghĩa	45.100.000.000	41.000.000.000
- Sankyu .Inc	110.000.000.000	100.000.000.000
- Vốn góp của cổ đông khác	165.158.960.000	150.216.730.000
Cộng	366.298.650.000	333.000.000.000

	Năm 2020	Năm 2019
c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức		
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	333.000.000.000	300.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	33.298.650.000	33.000.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	366.298.650.000	333.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia	33.298.650.000	15.000.000.000
	31/12/2020	01/01/2020
d) Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.629.865	33.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.629.865	33.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	36.629.865	33.300.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.629.865	33.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	36.629.865	33.300.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu		
21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán	31/12/2020	01/01/2020
Ngoại tệ các loại		
- USD	418.193,33	667.033,37
- Kyats	132.085,00	147.695,00
- Vàng	-	2,8 lượng
- EUR	114,72	1.201,62
VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
		Đơn vị tính: đồng
	Năm 2020	Năm 2019
01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu nhượng bán vật tư	1.077.496.744.690	782.339.531.338
Doanh thu chế tạo lắp đặt, khác	1.386.976.936.701	635.914.289.451
Cộng	2.464.473.681.391	1.418.253.820.789
02. Giá vốn hàng bán	Năm 2020	Năm 2019
Giá vốn nhượng bán vật tư	1.039.624.589.965	748.271.115.438
Giá vốn chế tạo lắp đặt, khác	1.255.431.691.922	538.613.199.596
Cộng	2.295.056.281.887	1.286.884.315.034
03. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.200.790.579	2.956.036.315
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.388.900.334	240.784.802
Cộng	6.589.690.913	3.196.821.117
04. Chi phí tài chính	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền vay	76.719.770.927	53.047.766.081
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.710.201.533	1.633.496.342
Cộng	78.429.972.460	54.681.262.423
05. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nhân viên quản lý	20.974.471.000	22.617.246.789
Chi phí quản lý khác	19.701.063.188	20.188.273.327
Cộng	40.675.534.188	42.805.520.116
06. Thu nhập khác	Năm 2020	Năm 2019
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	391.735.800
Thu nhập khác	2.891.240.431	39.013.451
Cộng	2.891.240.431	430.749.251

	Năm 2020	Năm 2019
07. Chi phí khác		
Lãi chậm nộp tiền thuế, bảo hiểm	1.317.608.562	69.528.260
Thuế GTGT không được hoàn	1.725.803.720	-
Chi phí khác	1.031.925.817	67.246.691
Cộng	4.075.338.099	136.774.951
08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	Năm 2020	Năm 2019
		Trình bày lại
a) Lợi nhuận kế toán trước thuế	55.717.486.101	37.373.518.633
b) Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế	27.110.532.924	16.163.968.711
<i>Chi phí lãi vay vượt quá 30% EBITDA</i>	22.719.583.949	15.429.732.524
<i>Chi phí không được trừ khác</i>	4.390.948.975	734.236.187
c) Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế	-	-
d) Lợi nhuận tính thuế	82.828.019.025	53.537.487.344
e) Thuế TNDN	16.565.603.805	10.707.497.469
9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	Năm 2020	Năm 2019
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	378.098.096.151	319.816.141.691
- Chi phí nhân công	138.508.185.567	123.193.775.450
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.244.090.547	28.368.716.707
- Chi phí dự phòng	3.865.681.145	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	648.500.383.384	288.737.341.522
- Chi phí khác bằng tiền	5.386.550.349	13.886.848.691
Cộng	1.208.602.987.143	774.002.824.061

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm 2020	Năm 2019
		Đơn vị tính: đồng
Góp vốn đầu tư vào Công ty liên doanh Amecc - Myanmar shipyards bằng công nợ phải thu	-	115.683.979.405
Mua tài sản cố định thuê tài chính	48.353.835.130	14.598.157.791

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

Các khoản tiền và tương đương tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng lần lượt là 25.869.319.633 đồng và 102.820.600.000 đồng là khoản tiền phong tỏa tại Ngân hàng HDBank nhằm đảm bảo cho các khoản thu tín dụng trả chậm có giá trị thanh toán trả ngay (UPAS L/C)

3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

Tiền thu từ đi vay từ khế ước thông thường: 1.510.599.958.148 đồng

4. Số tiền đã thực trả gốc trong kỳ

Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường: 1.421.170.794.220 đồng

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Mặc dù, đất nước Myanmar hiện đang bị bất ổn về chính trị, nhưng Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty vẫn cam kết tuân thủ các cam kết đã nêu trong các Báo cáo tài chính đã công bố. Cụ thể như sau: Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ/2017/ĐHCD-AMECC ngày 02/4/2017, Hội đồng cổ đông đã thông qua kế hoạch và phương án đầu tư ra nước ngoài tại Myanmar bằng hình thức góp vốn đầu tư vào Công ty liên doanh Amecc - Myanmar Shipyards với tổng mức đầu tư là 42,073 triệu USD, nay tạm được điều chỉnh là 26,31 triệu USD theo văn bản số 50BS/PABS-AMECC ngày 25/3/2019 của Tổng giám đốc gửi Hội đồng quản trị. Hiện tại, kế hoạch đầu tư trên vẫn đang trong quá trình thực hiện. Công ty đang làm các thủ tục để cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

3. Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty CP Thương mại Amecc Wei sheng	Công ty con
- Công ty TNHH Amecc Myanmar	Công ty con
- Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Amecc Miền Nam	Công ty con
- Công ty CP Thép Châu phong - Animex	Cùng thành viên ban lãnh đạo chủ chốt
- Công ty CP Xây dựng kỹ thuật Công nghệ Xanh	Cùng thành viên góp vốn
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng năng lượng GT	Cùng thành viên góp vốn
- Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT
- Ông Trần Ngọc Dương	Thành viên HĐQT

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2020
Bán hàng	
- Công ty CP Thương mại Amecc Wei sheng	135.155.317.287
- Công ty CP Thép Châu phong - Animex	150.142.687.875
- Công ty CP Xây dựng kỹ thuật Công nghệ Xanh	95.776.570.421
	Năm 2020
Mua hàng	
- Công ty CP Thương mại Amecc Wei sheng	151.797.170.613
- Công ty TNHH Amecc Myanmar	793.818.320
- Công ty CP Xây dựng kỹ thuật Công nghệ Xanh	32.634.057.995
- Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Amecc Miền Nam	48.851.167.305
- Công ty CP Thép Châu phong - Animex	123.625.178.509
	Năm 2020
Lãi vay phải trả trong kỳ	
- Ông Nguyễn Văn Nghĩa	13.971.266.671
- Ông Trần Ngọc Dương	609.999.999

Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát**

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2020	Năm 2020
1	Ông Nguyễn Văn Thọ	Chủ tịch HĐQT (Từ 01/01/2020 đến 01/08/2020)	70.000.000	115.384.615
2	Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT (Từ ngày 01/08/2020 đến 31/12/2020)	47.700.000	-
3	Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Thành viên HĐQT (Từ 01/01/2020 đến 01/08/2020)	44.100.000	61.061.538
4	Ông Nguyễn Văn Thọ	Thành viên HĐQT (Từ ngày 01/08/2020 đến 31/12/2020)	52.000.000	-
5	Ông Yukio Miyota	Thành viên HĐQT	-	-
6	Ông Nguyễn Sơn	Thành viên HĐQT	75.600.000	71.446.154
7	Ông Kikugawa Tetsuya	Thành viên HĐQT	-	-
8	Ông Trần Ngọc Dương	Thành viên HĐQT	75.600.000	71.446.154
9	Ông Đinh Ngọc Thắng	Thành viên HĐQT	75.600.000	71.446.154
10	Ông Nguyễn Hữu Phong	Trưởng BKS	-	-
11	Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên BKS	-	21.807.692
12	Ông Fujiwara Norimasa	Thành viên BKS	-	-
Cộng			440.600.000	412.592.308

Tiền lương và các khoản phụ cấp của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2020	Năm 2020
1	Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT - Nguyên thành viên HĐQT	-	-
2	Ông Nguyễn Văn Thọ	Thành viên HĐQT - Nguyên chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc	625.912.305	485.961.847
3	Ông Yukio Miyota	Thành viên HĐQT	148.235.100	-
4	Ông Nguyễn Sơn	Thành viên HĐQT	-	-
5	Ông Kikugawa Tetsuya	Thành viên HĐQT	-	-
6	Ông Trần Ngọc Dương	Thành viên HĐQT	-	-
7	Ông Đinh Ngọc Thắng	Thành viên HĐQT	-	-
8	Ông Nguyễn Hữu Phong	Trưởng BKS	357.290.958	238.080.462
9	Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên BKS	-	-
10	Ông Fujiwara Norimasa	Thành viên BKS	-	-
11	Ông Nguyễn Đức Độ	Phó Tổng Giám đốc	-	-
12	Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	473.097.136	370.184.347
13	Ông Đỗ Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc	470.597.136	125.643.693
14	Bà Nguyễn Thị Thọ Vân	Kế toán trưởng (Từ 03/12/2020 đến 31/12/2020)	-	-
15	Bà Nguyễn Thị Hà	Nguyên Kế toán trưởng (Từ 01/01/2020 đến 03/12/2020)	288.067.174	305.006.576
Cộng			2.363.199.809	1.524.876.925

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Các khoản vay	31/12/2020	01/01/2020
- Ông Nguyễn Văn Nghĩa	76.800.000.000	88.000.000.000
- Ông Trần Ngọc Dương	-	12.000.000.000

Phải trả khác	31/12/2020	01/01/2020
- Ông Nguyễn Văn Nghĩa	14.794.488.860	1.727.277.746
- Ông Trần Ngọc Dương	-	103.333.333

4. Báo cáo bộ phận

a) Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động chế tạo lắp đặt		Tổng cộng
	Hoạt động chế tạo lắp đặt	Hoạt động thương mại	
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.386.976.936.701	1.077.496.744.690	2.464.473.681.391
- Giá vốn hàng bán	1.255.431.691.922	1.039.624.589.965	2.295.056.281.887
- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cc dịch vụ	131.545.244.779	37.872.154.725	169.417.399.504
- Tài sản bộ phận	1.351.493.969.973	303.425.855.020	1.654.919.824.993
- Tài sản không phân bổ			606.159.826.485
Tổng tài sản	-	-	2.261.079.651.478
- Nợ phải trả bộ phận	596.985.755.449	51.025.709.908	648.011.465.357
- Nợ phải trả không phân bổ			1.184.719.982.648
Tổng nợ phải trả	-	-	1.832.731.448.005

b) Theo lĩnh vực địa lý

Hoạt động chính của Công ty là chế tạo, lắp đặt và thương mại trong các khu vực địa lý không có sự khác biệt lớn về điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh nên không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý được trình bày.

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh và số dư đầu kỳ Bảng Cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam và có điều chỉnh một số chỉ tiêu thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020.

Hải phòng, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Vũ Thị Phương Hảo

Nguyễn Thị Thọ Vân

Nguyễn Văn Thọ

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC
-Cùng xây ngày mai-

Địa chỉ: Km35, Quốc lộ 10, Quốc Tuấn, An Lão, Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại: 0225.3922786
Số fax : 0225.3922783